

荔枝

lǐzhī

KÊ HÀM 嵇含

NAM 南

PHƯƠNG 方

THẢO 草

MỘC 木

TRẠNG 狀

貼士

荔枝是本土植物，在汉代就已经成为重要的食品。其味道甜美，是食疗佳品，有促进食欲、美容养颜等诸多功效。《食疗本草》中记载，荔枝“微温。食之通神益智，健气及颜色”。但是“多食则发热”，过量食用荔枝会出现急性中毒的情况。

荔枝树，有五六丈高，外形像桂树，绿叶蓬发，四季都浓繁盛。开青色的花，结红色的果实，果实像蛋一样，果皮呈黄黑色，类似熟莲子，果肉白如脂肪，比蜜还甜，果皮有褶皱。有一种又甜又酸的荔枝，在夏至日的日时，会突然由青变红，之后就可以食用了。一棵树能给几百斗果实。《三辅黄图》上记载，汉武帝元鼎六年，征服南越，建造扶荔宫，“扶荔”就是从荔枝得来的名称。汉武帝下令从交趾都移植了上百株荔枝到王宫，但没有一株存活。每年都移植，从不止息，几年后，偶然有一株稍显茂盛，然而始终不开花结果，即使这样汉武帝也非常珍视这株荔枝树。一天早晨这棵树突然枯死，导致几十名守吏连坐，被处以死罪，这之后内苑中也再未有存活繁茂的荔枝树了。荔枝果实每年都会作为贡品送至宫中，常有运送的人在半路上累死的情况，民间百姓的一大负担。

Trần Trung Dũng

Dịch, chú thích và hiệu đính



果

荔枝

## NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRẠNG 南方草木狀

Tác giả: Kê Hàm 嵇含

Thời đại: Tây Tấn 西晉 [266 – 316]

Tác giả:

Kê Hàm 嵇含 [263-306], tự là Quân Đạo 君道, tự xưng là Bạch Khâu Tử 亳丘子, người huyện Trĩ, quận Tiểu 譙國鉅縣 [nay là địa cấp thị Bạc Châu, tỉnh An Huy] là một nhà văn học và thực vật học thời Tây Tấn.

Kê Hàm là cháu nội của Kê Khang 嵇康, cháu của Thứ sử Từ Châu Kê Hỉ 嵇喜, và là con trai của Thái tử xá nhân Kê Phàm 嵇蕃. Ông từng giữ các chức vụ Trình Tây tham quân 征西參軍, Phiêu kỵ ký thất đốc 驃騎記室督, Thượng thư lang 尚書郎, v.v. Vào năm Vĩnh Hưng 永興 nguyên niên [năm 304], ông được Phạm Dương Vương 范陽王 mời giữ chức Trung lang 中郎, sau đó trở thành Thái thú Tương Thành 襄城太守. Sau khi thất bại trong trận chiến, ông đã nương nhờ Tướng quân Trấn Nam 鎮南將軍 Lưu Hoảng 劉弘. Tuy nhiên, Kê Hàm tính cách cương nghị, nóng nảy, thường xuyên bất hòa với Tư mã Quách Mai. Đến năm Vĩnh Hưng thứ ba [năm 306], sau khi Lưu Hoảng qua đời, ông bị Quách Mai 郭勣 hãm hại và bị giết. Ông được truy phong thụy hiệu là Hiến 憲.

### Tác phẩm

Tác phẩm nổi tiếng của Kê Hàm không nhiều, bao gồm 3 bài thơ ngũ ngôn: Đăng cao 登高 [Lên Cao], Duyệt tình 悅晴 [Vui với trời nắng], và Kháng lệ 伉儷 [Tình vợ chồng]. Mặc dù trong Tùy thư- Kinh tịch chí 隋書·經籍誌 có ghi chép về "Kê Hàm tập" 嵇含集 gồm 10 quyển, nhưng tác phẩm này đã bị thất truyền.

Ngoài các tác phẩm văn học, Ông cũng có niềm đam mê với thực vật. Vào năm Vĩnh Hưng nguyên niên [năm 304], Ông đã biên soạn cuốn sách: Nam phương thảo mộc trạng 南方草木狀. Toàn bộ cuốn sách được chia thành 3 quyển: quyển Thượng giới thiệu về các loại cỏ [30 loại], quyển Trung giới thiệu về các loại cây [28 loại], và quyển Hạ giới thiệu về các loại quả [17 loại] và tre [6 loại]; cuốn sách đã hệ thống hóa việc giới thiệu các loài thực vật ở khu vực Lĩnh Nam.

Nam phương thảo mộc trạng là một cuốn sách ghi chép về các loài thực vật ở Lĩnh Nam, và là cuốn sách sớm nhất về thực vật học của khu vực này, hiện nay có nhiều tranh luận xoay quanh tác giả thực sự của tác phẩm liệu có phải của Kê Hàm hay không?

Nội dung chính của quyển Thượng: ghi chép về 29 loại cỏ, bao gồm chuối tiêu, cây bồ quỳ, và rau muống; quyển trung ghi chép về 28 loại cây, như trầm hương, thông nước, và cây vông nem; quyển Hạ ghi chép về 17 loại quả, như cau, dừa, và 6 loại tre. Tổng cộng cuốn sách mô tả 80 loài thực vật. Phần lớn các loài này sinh trưởng tại các khu vực Phiên Ngung, Nam Hải, Hợp Phố, Lâm Ấp, cũng như vùng Nam Việt và Giao Chỉ, thuộc khu vực nhiệt đới hoặc cận nhiệt đới. Mức độ chi tiết khi mô tả mỗi loài thực vật khác nhau, mỗi loài có một trọng tâm riêng, nhưng nhìn chung đều giới thiệu về hình thái, môi trường sống, công dụng, nơi sản xuất, và các giai thoại lịch sử liên quan.

Nam phương thảo mộc trạng là bộ sách sớm nhất về thực vật học của khu vực Lĩnh Nam. Trong sách có ghi chép về nơi sản xuất và lịch sử du nhập của các loài thực vật. Phương pháp trồng rau muống trên bè nổi được đề cập trong sách là ghi chép sớm nhất trên thế giới về việc trồng rau trên mặt nước [trồng không cần đất]. Việc sử dụng kiến vàng để phòng trừ sâu bệnh cho cây quýt cũng là ghi chép đầu tiên trên thế giới về biện pháp kiểm soát sinh học, và phương pháp này





## QUYỂN THƯỢNG

Thực vật ở Nam Việt 南越 và Giao Chỉ 交趾 có những loại từ bốn phương, kỳ lạ nhất. Trước thời nhà Chu 周 và nhà Tần 秦 không có ghi chép nào về chúng. Từ khi Hán Vũ Đế 漢武帝 mở rộng biên cương, đã thu thập được những loại quý hiếm, chọn lấy những thứ tốt nhất để cống nạp. Người Trung Châu [Trung Nguyên] đôi khi không rõ về hình dạng của chúng, nên tôi dùng những gì mình nghe được để biên soạn, nhằm giúp ích cho con cháu sau này.

### Cây Chuối tiêu 甘蔗

Nhìn xa như một cái cây, gốc lớn hơn một vòng tay. Lá dài một trượng [3,33m], hoặc bảy, tám thước, rộng từ hơn một thước đến khoảng hai thước. Hoa lớn như chén rượu, hình dạng và màu sắc giống hoa phù dung, mọc ở đầu thân. Quả nhiều hơn một trăm, lớn, gọi là buồng, kết nối liền nhau. Vị ngọt ngon, cũng có thể dùng làm mật. Rễ giống như củ khoai môn, loại lớn như trục xe. Quả ra theo từng đợt cùng với hoa, mỗi hoa một chùm có 6 quả, chín không cùng lúc, hoa không rụng cùng lúc. Một tên gọi khác là Ba tiêu 芭蕉, hoặc có nơi gọi là Ba trử 巴苴. Khi bóc vỏ quả, lớp ngoài có màu vàng trắng, vị ngọt như nho, giòn và có thể làm no. Chuối có 3 loại: loại quả lớn bằng ngón tay cái, dài và nhọn, giống sừng dê, gọi là 'Dương giác tiêu' 羊角蕉, vị ngọt ngon nhất; một loại khác có quả lớn như trứng gà, giống như sữa bò, gọi là 'Ngưu nhũ tiêu' 牛乳蕉, vị ngọt giảm hơn so với chuối dương giác; một loại lớn như quả ngó sen, dài sáu, bảy tấc, hình vuông, ít ngọt, xếp loại thấp nhất. Thân cây có thể tách ra thành sợi, dùng tro để luyện thành chỉ, có thể dệt thành vải mỏng, gọi là 'chuối cát'. Dù giòn, màu vàng trắng đẹp nhưng không bằng màu đỏ của sợi lanh. Cả Giao Chỉ và Quảng Châu đều có loại này. Trong sách "Tam phủ hoàng đồ" 三輔黃圖 ghi rằng, vào năm Nguyên Đĩnh 元鼎 thứ sáu [111 TCN], Hán Vũ Đế đánh bại Nam Việt [nước Nam

Việt lúc này do con cháu Triệu Đà cai trị], xây cung Phù Lê 扶荔宮 để trồng những loài cỏ cây kỳ lạ, trong đó có 2 cây chuối tiêu.



*Chuối tiêu*



*Quả chuối "Dương giác tiêu" 羊角蕉*



*Quả chuối 'Ngưu nhũ tiêu' 牛乳蕉*

## Hoa Nhài tây 耶悉茗花

*[Jasminum grandiflorum, còn được gọi là hoa nhài Tây Ban Nha, hoa nhài Hoàng gia, hoa nhài Catalan, và còn một vài tên gọi khác, là một loài hoa nhài có nguồn gốc từ Nam Á, bán đảo Ả Rập, Đông Bắc Châu Phi, Hồ Lớn châu Phi, và các khu vực Vân Nam và Tứ Xuyên]*

Hoa Nhài tây và hoa Nhài, đều là những loài do người Hồ 胡人 [người Hồ theo nghĩa hẹp dùng để chỉ các sắc dân ngoại lai tại Trung Á và Tây Á, được sử dụng phổ biến trong các sử tịch và văn hiến xưa] từ Tây quốc 西國 [các nước Trung Á, Tây Á nói chung] mang đến trồng ở Nam Hải. Người Nam Hải yêu thích hương thơm của chúng và thường trồng chúng. Theo sách "Nam Việt hành ký" 南越行紀, trong vùng đất Nam Việt, 5 loại lúa không có vị, trăm hoa không có mùi thơm, chỉ hai loài hoa này đặc biệt có mùi thơm. Lý do là chúng được mang từ các nước Hồ đến, không thay đổi theo nước và đất. Khác với cây quýt ở miền Bắc biến thành quất. Phụ nữ ở đó dùng sợi chỉ màu để khâu hoa làm trang sức đầu.

Hoa Nhài giống như hoa hồng trắng, có hương thơm hơn hoa Nhài tây.





*Tranh vẽ hoa Nhài*



*Hoa Nhài [Lài] tây*



*Hoa Nhài thường*



## Hoa Đậu khấu 豆蔻花

Hoa có thân giống như cây sậy, lá giống như lá gừng. Hoa mọc thành chùm, lá non cuộn lại và sinh hoa. Hoa có màu đỏ nhạt, đầu chùm có màu đậm, lá dần dần mở ra, hoa cũng dần hiện rõ. Theo truyền thuyết, ăn hoa này có thể tiêu khí, giảm đờm, kích thích sự thèm ăn, và tăng cường sức khỏe. Vào năm Thái Khang 泰康 thứ hai [năm 281, niên hiệu của Tấn Vũ Đế], quận Giao Chỉ đã dâng một thùng hoa này, sau khi thử nghiệm thấy có hiệu quả, nên được ban thưởng cho các quan gần gũi.



*Tranh vẽ hoa Đậu Khấu*



*Hoa Đậu khấu*

**Hoa Sơn khương 山姜花**

Thân và lá giống như gừng, nhưng rễ không thể ăn được. Hoa mọc giữa các lá, thành chùm giống như hạt lúa mì, mềm và có màu đỏ. Khi sắc uống, có tác dụng trị khí lạnh rất hiệu quả. Loài này có ở Cửu Chân và Giao Chỉ.





*Tranh vẽ hoa Sơn Khương*



*Hoa Sơn khương*

### **Cây Hạc Thảo mạn 鹤草蔓**

Mọc thành dây leo, hoa có màu tím nhạt như bột rượu, cuống và lá giống lá liễu nhưng ngắn hơn. Hoa nở vào mùa hè, hình dáng giống như con hạc đang bay, với mỏ, cánh, đuôi, và chân đầy đủ. Cây này mọc ở Nam Hải, được gọi là 'Mỵ thảo 媚草'. Trên cây có loài sâu, khi già sẽ lột xác thành bướm, màu đỏ vàng. Phụ nữ thường cất giữ con bướm này và gọi nó là 'Mỵ điệp' 媚蝶, vì cho rằng nó có thể khiến chồng yêu thương, quý mến.





*Hạc Thảo mạn*

### **Cây Cam trá 甘𪓗**

Hay còn gọi là loại giống khoai môn, có rễ và lá giống như khoai môn. Quả lớn như nắm tay, có loại lớn như bát, vỏ màu tím, thịt màu trắng. Khi hấp lên ăn, vị giống khoai từ, tính không quá lạnh. Ở đất Chu Nhai 珠崖 xưa kia, người dân sống trên biển đều không làm nghề cày cấy, chỉ đào đất để trồng cây Cam trá. Họ hấp, phơi khô rồi cắt nhỏ như hạt gạo, tích trữ trong kho để làm lương thực. Đó gọi là lương khô [nguyên văn 糗: khứu]. Cây này được gọi là Cam hạ 甘𪓗. Đại khái, người dân ở miền Nam, những người hai màu tóc, trăm người thì không có

lấy một, hai người, chỉ có những người sống trên biển có thể sống hơn trăm tuổi là nhờ không ăn ngũ cốc mà ăn cây cam chạ này.

### Loài hoa đẹp có Thủy Liên 水蓮

Giống như hoa Sen, nhưng thân màu tím, mềm và không có gai. [*tên khoa học: Nymphoides hydrophylla là một loài thực vật có hoa trong họ Menyanthaceae. Loài này được Kuntze mô tả khoa học đầu tiên năm 1891*]



*Hoa Thủy Liên*

### Cây Thủy Tiêu 水蕉

Giống như cây Lộc Thông 鹿葱 [*Lycoris squamigera là một loài thực vật có hoa trong họ Amaryllidaceae. Loài này được Maxim. mô tả khoa học đầu tiên năm 1885*], có màu tím hoặc màu vàng. Vào thời [niên hiệu] Ngô Vĩnh An 吳永



安, Tôn Hưu 孫休 từng sai sứ giả đi lấy hai loài hoa này nhưng không thể mang về được, chỉ vẽ hình để dâng lên.

*[Ngô Vĩnh An 吳永安 là niên hiệu của Tôn Hưu 孫休, vị hoàng đế thứ ba của nước Đông Ngô trong thời kỳ Tam Quốc. Ông trị vì từ năm 258 đến năm 264. Tôn Hưu là con trai của Tôn Quyền 孫權, người sáng lập nước Đông Ngô. Tôn Hưu chọn niên hiệu Vĩnh An 永安 trong suốt thời gian ông cai trị, bắt đầu từ năm 258. Niên hiệu này thường được sử dụng để chỉ giai đoạn triều đại của ông, tức là từ năm Vĩnh An thứ nhất (258) đến năm Vĩnh An thứ bảy (264)]*



*Cây và hoa Thủy Tiêu*



*Cây và hoa Lộc Thông*

### **Cây Củ Tương 茺菹 và Tất Bạt 華菱**

Loại mọc ở các nước man di thì lớn và có màu tím, được gọi là Tất bát 華菱 . Loại mọc ở Phiên Ngung thì nhỏ và có màu xanh, được gọi là củu. Cả hai đều có thể dùng để điều vị thức ăn, vì vậy gọi là 'tương' 醬 [*thịt băm nát. Cũng như hải 醃* . *Thức ăn nghiền nát. Như: quả tương 果醬 món trái cây xay nhuyễn, hoa sanh*



tương 花生醬 đậu phụng nghiền. Món ăn dùng các thứ đậu, ngô, gạo, ngâm ủ nấu gạn, cho muối vào nghiền nát. Như: thố tương 酢醬 tương chua giấm, đằm miến tương 甜麵醬 tương ngọt]. Ở Giao Chỉ và Cửu Chân, nhiều gia đình trồng loại cây này, mọc thành dây leo.

[Củ Tương: có lẽ là Tiêu dôi hay còn gọi là Tiêu gập là loài dây leo có hoa thuộc họ Hồ tiêu Piperaceae, được trồng để lấy quả dùng làm gia vị. Quả tiêu dôi có hình dạng và mùi vị tương tự quả tiêu lốt. Quả tiêu dôi chứa 44% đến 49% tinh bột, 10% đến 15% chất xơ, 8% tro và 1% tinh dầu]



Tranh vẽ Củ tương



*Củ Tương*

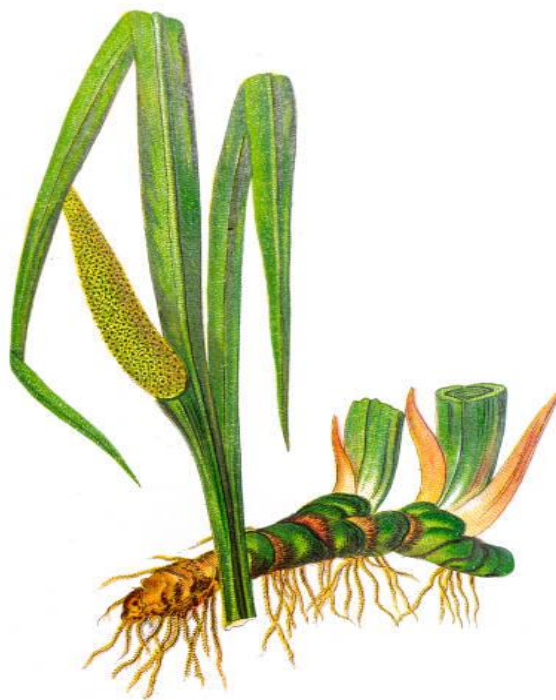
[*Tất Bạt 華菱, còn gọi là Tiêu lốt hay Hồ tiêu dài, tiêu dài, tiêu lá tím, tất bạt, trầu không dại là dây leo có hoa thuộc chi Hồ tiêu. Cây tiêu lốt được trồng để lấy quả làm gia vị và làm thuốc chữa bệnh. Tại Việt Nam, cây mọc dại khắp nơi*]

### **Cây Xương bồ 菖蒲**

Ở phía đông Phiên Ngung có suối, trong suối mọc nhiều Xương bồ, mỗi cây dài một tấc có 9 đốt. An Kỳ Sinh 安期生 đã hái và dùng nó để luyện đan rồi trở thành tiên, chỉ để lại đôi hài ngọc.

[*Thủy xương bồ hay bồ bồ (danh pháp hai phần: Acorus calamus, đồng nghĩa Acorus verus Houtt) là một loài thực vật có hoa trong họ Xương bồ. Loài này được L. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1753. Sinh trưởng tại vùng đầm lầy, rìa ao hồ, những vùng nước lợ, cũng được gieo trồng; ở độ cao dưới 2.800 m. Có ở nhiều nơi tại Trung Quốc, Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ,*

*Indonesia, Nhật Bản, Triều Tiên, Malaysia (Sarawak), Mông Cổ, Nepal, Pakistan, Nga (Viễn Đông, Siberi), Sri Lanka, Thái Lan, Việt Nam; Tây Nam Á, châu Âu (trừ Nam Âu), Bắc Mỹ. Lá Thủy xương bồ chứa đến 20% tinh bột, thêm 1,5-3,5% tinh dầu, bao gồm cả Asarone và Eugenol. Thủy xương bồ là một loại cây thuốc cổ truyền của y học châu Á. Các dân tộc bản địa Bắc Mỹ cũng sử dụng Thủy xương bồ để tắm, xông, phun thuốc và pha thức uống và làm gia vị. Thân rễ Thủy xương bồ (Rhizoma Calami) được sử dụng, được thu hoạch vào tháng 9 và tháng 10. Thân rễ được sử dụng (chủ yếu tạo vị đắng) trong y học và trong sản xuất nước hoa và nước mùi. Thủy xương bồ được coi là tăng lực và ngon miệng. Tinh dầu Thủy xương bồ cũng có chứa trong thức uống Coca-Cola. Nhai rễ có thể tạo cảm giác hưng phấn và ở liều cao hơn có thể tạo ra ảo giác nhẹ, mà được cho là vì có chứa chất Asarone]*



*Hình vẽ cây Xương Bồ*





*Cây Tất Bạt*





*Cây Xương Bò*

*[An Kỳ Sinh, theo truyền thuyết kể lại: vào thế kỷ thứ III trước công nguyên, ở phương Bắc có một đạo sĩ tên là An Kỳ Sinh tu pháp Đạo Tiên. Ngài hái lượm cỏ cây, thảo dược, luyện đan sa, thần sa thành thuốc trường sinh và ban pháp dược chữa bệnh cứu người. Người đời tỏ lòng tôn kính gọi ông là An Tử và gọi núi này là An Tử Sơn. Sau này, để tránh gọi tên húy của Ngài, dân gian đổi tên gọi núi An Tử thành Yên Tử (Uông Bí, Quảng Ninh) và dựng tượng Ngài để thờ cúng. Tượng An Kỳ Sinh là một tảng đá tự nhiên, trông giống hình đạo sĩ đứng chắp tay cung kính quay về Tây phương, áo dài thướt tha. Tượng cao 2,2m. Thân tượng có tạc chữ Hán đã bị mờ nét]*

## Cây Mía 諸蔗

Một loại gọi là mía ngọt 甘蔗. Mía mọc ở Giao Chỉ có đường kính vài tấc, dài hơn một trượng, khá giống như tre. Khi gãy ra, ăn rất ngọt. Người ta vắt lấy nước, phơi vài ngày thành kẹo, ăn vào có vị ngọt gọi là 'mật đá 石蜜'. Khi Tôn Lượng 孫亮 [*Tôn Lượng 孫亮, (243 - 260) tự là Tử Minh 子明, con trai út của Tôn Quyền, là vị hoàng đế thứ hai của nhà Đông Ngô trong thời kỳ Tam Quốc*] sai quan Hoàng Môn 黃門 dùng bát bạc và nắp để lấy mía từ Giao Chỉ, quan đã để lại mía cho Hoàng Môn và cảm thấy hối tiếc. Hoàng Môn đã cáo buộc quan rằng trong nắp bát có phân chuột và nói rằng đó là lý do quan không cẩn thận. Tôn Lượng gọi quan vào hỏi rằng bát đã được đập và có dầu phủ, sao lại có phân chuột? Hoàng Môn lại nói rằng có thể bát đã không được làm sạch. Người dân phương Nam nói rằng mía có thể tiêu rượu, còn được gọi là Can Giá 干蔗 [mía khô]. Trong bài hát của Tư Mã Tương Như 司馬相如, có câu:

- Nước mía của Thái Tôn làm dịu cơn say vào buổi sáng! nghĩa là vậy.

Vào năm Thái Khang 泰康 thứ sáu [năm 285], nước Phù Nam 扶南國 đã dâng mía dài một trượng ba đốt. Cây mía ở Nam Hải thường dùng để làm rượu ngon mà không cần men. Chỉ cần giã bột gạo với nhiều loại lá cây và nước bạch chỉ, để trong chỗ râm, trong một tháng sẽ thành rượu. Rượu này trộn với gạo nếp để làm rượu, nên uống nhiều thì say. Khi tỉnh dậy, đầu vẫn còn cảm thấy nóng vì có chất độc. Ở miền Nam, có những cô gái từ nhỏ đã biết làm rượu, để rượu trong chum, kín đáo và chôn dưới đất cho đến mùa Đông, khi nước trong hồ cạn thì đặt chum rượu vào đó và đập kín. Đến mùa Xuân khi hồ đầy nước, rượu vẫn không bị nổi lên. Khi cô gái chuẩn bị kết hôn, mới lấy rượu ra để đãi khách, gọi là Nữ Tửu 女酒 [rượu cô dâu]. Rượu này có hương vị tuyệt vời.





*Cây Mía*

### **Mang Mao 芒茅**

Khi cây Mang Mao và cây cỏ hương [mang mao] khô, dịch bệnh sốt rét [chướng khí] bùng phát mạnh mẽ, ở Giao Chỉ và Quảng Châu đều như vậy. Người bản địa gọi hiện tượng này là 'hoàng mao chướng' 黄茅瘴 hoặc 'hoàng mang chướng' 黄芒瘴.



*Cỏ Mang*

Ở phương Nam, mùa Đông không có cỏ khô. Dọc theo các quận huyện ven biển, có nhiều loại cỏ có hình dạng giống như lá cây ngô đồng nhưng dày, dùng để làm thức ăn cho ngựa. Loại cỏ này gọi là “Phì Mã thảo” 肥馬草 [cỏ ngựa béo]. Ngựa rất thích ăn loại cỏ này và ăn nhiều thì trở nên béo khỏe hơn.

Mùa Đông, lá gừng cũng như các loại cỏ khác, ở Giao Chỉ và Quảng Châu đều được sử dụng. Ở phương Nam, do khí hậu nóng và các vật phẩm dễ bị hỏng, chỉ có lá gừng được bảo quản tốt trong mùa đông mới có thể giữ lâu dài.



## Cây Bồ Quỳ 蒲葵 [cọ xẻ]

Giống như cây Kiên Lư 桫欏 [cọ, kè], nhưng mềm và mỏng, có thể được dùng làm nón cọ. Loại cây này xuất hiện ở Long Xuyên 龍川.



Cọ xẻ



## Có một loại thuốc gọi là Khất Lực Cà Thuật 乞力如術

Được sản xuất ở vùng ven biển. Một củ có thể nặng đến vài cân. Lưu Quyên Tử 劉涓子 đã lấy củ này để chế thành thuốc viên, dùng làm thực phẩm, với hy vọng có thể giúp kéo dài tuổi thọ.

*[Còn gọi là Sơn Kế, Dương Phù Kế, Sơn Giới, Thiên Kế, Sơn Khương, Sơn Liên, Khất Lực Cà Đông, Bạch Thuật, Thương Truật...]*



*Khất Lực Cà Thuật*

## Hoa Xanh đồng 蘋桐花

Mọc khắp các nơi ở Lĩnh Nam, từ đầu mùa hè đến mùa Thu. Đây là loại cỏ có lá giống như lá cây Vông, và hoa của nó có màu đỏ thắm từ cuống đến cánh hoa. Người ta thường gọi hoa này là hoa Trinh đồng 貞音訛, nhưng 'trinh' 貞 trong tên gọi này là một cách phát âm sai.



[*Hoa Xanh đồng 蘋桐花, còn gọi là Mò đỏ hay Xích Đồng nam là một loài thực vật có hoa trong họ Hoa môi. Loài này được Sweet mô tả khoa học đầu tiên năm 1826*]



*Hoa Xanh Đồng*

### **Thủy Thông hoa 水蔥花 [Hoa hành nước]**

Lá của nó đều giống như hoa Lộc Thông 鹿蔥. Hoa của nó có 3 màu: đỏ, vàng, và tím, mọc ở vùng Thị Hưng 始興. Phụ nữ mang thai thường đeo hoa này, nếu sinh con trai thì có thể chắc chắn là do hoa này, không phải là hoa Lộc Thông. Ở Giao Chỉ và Quảng Châu, việc đeo hoa này được coi là rất có hiệu quả, nhưng vì đất ở đó nhiều đàn ông và không thiếu phụ nữ, nên không thường xuyên đeo.



*Hoa Thủy thông*

### **Vu Tinh 蕪菁 [Cải củ]**

Ở vùng Lĩnh Nam và khu vực phía Nam đều không có. Thịnh thoảng có những người trí thức vì lý do công vụ mà mang giống cải củ đến trồng ở đó, nhưng khi mọc ra đất thì biến thành cải lá [*nguyên văn: giới 芥*], cũng giống như cách mà cam ở miền Bắc sông Dương Tử trở thành chanh. Chỉ ở vùng Khúc Giang 曲江 mới có cải củ, và người ta gọi nó là 'cải Tần' 秦菰. [*nguyên văn: tần tùng 秦菰, một thứ rau cải, rất nhiều giống, hình như quả trứng để ngược, lá to, viền lá gợn sóng, mùa xuân ra hoa vàng, thường gọi là bạch thái 白菜*]





*Cải củ*



*Cải lá*





*Cải tần*

### **Xước Thái 緯菜**

Mọc vào mùa Hè ở các vùng đầm lầy và ao hồ, lá của nó giống như lá của cây Tì Cô 茨菰. Rễ của cây Xước Thái có dạng như củ sen. Người dân Nam Hải ăn loại rau này và cho rằng nó có tác dụng gây buồn ngủ, vì vậy họ gọi nó là Minh thái 瞑菜.



*Xước thái*



*Cây Tì Cồ*



## Cây Cà tím 茄樹

Ở vùng Giao Chỉ, Quảng [Đông-Tây], các loại cây cỏ có thể sống qua mùa Đông mà không bị tàn lụi. Do đó, trong các vườn rau thường trồng cây cà, những cây gốc đã trồng được 3 đến 5 năm sẽ dần phát triển thành cây lớn. Mỗi khi đến mùa Hè và Thu, quả sẽ chín nhiều và người ta sẽ leo lên cây để hái. Sau 5 năm, cây già và ít quả, người ta sẽ chặt bỏ và trồng cây non thay thế.



*Cây Cà tím*

## Cây Rau muống 蕹

Có lá giống như rau Lạc quỳ 落葵 [Mồng tơi] nhưng nhỏ hơn, tính lạnh và có vị ngọt. Người dân phương Nam đan cỏ lau thành bè, tạo thành những lỗ nhỏ để nổi trên mặt nước, rồi gieo hạt rau muống vào trong nước, giống như cây bèo, rễ nổi trên mặt nước. Khi cây lớn, thân và lá sẽ mọc qua các lỗ nhỏ trên bè cỏ lau,



và di chuyển lên xuống theo mực nước. Đây là một loại rau kỳ lạ ở phương Nam. Cây Dã cát 冶葛 [lá ngón] có độc rất lớn, nếu nhỏ nước ép từ rau muống lên cây dã cát thì nó sẽ héo ngay. Truyền thuyết kể rằng Ngụy Vũ 魏武 [Tào Tháo] có thể ăn Dã cát dài đến một thước [mà không chết], và ông cho biết là nhờ ăn rau muống trước.



*Rau Muống*

### Dã cát 冶葛 [Lá Ngón]

Là loại cỏ độc, mọc leo, lá giống như húng quế, bóng và dày, còn có tên gọi khác là Hồ mạn thảo 胡蔓草. Người bỏ độc thường trộn lẫn với rau sống để dâng lên. Người phát hiện sớm thì nhanh chóng dùng thuốc giải, nếu không thì chỉ trong nửa ngày sẽ chết. Dê núi ăn mầm của cây này sẽ béo và lớn, cũng như

chuột ăn hạt Ba đậu 巴豆, nó sẽ lớn như cái nắp. Các loài vật thường có sự khác chế lẫn nhau.

*[Ba đậu hay còn gọi bã đậu, mắc vát, cồng khổi, cắng khổi, giang tử, mãnh tử nhân, lão dương tử, ba nhân, mần đề, hoắt, phồn, đề, đết là loài thực vật có hoa thuộc họ Đại kích được Carl Linnaeus mô tả khoa học lần đầu năm 1753. Nó là một trong năm mươi vị thuốc cơ bản của Đông y, có xuất xứ từ Tứ Xuyên]*



*Cây lá ngón và hoa của nó*

### **Cỏ Cát Lợi 吉利草**

Thân thảo [màu] như vàng, hình dáng giống như cây Thạch Hộc 石斛 [*Phi điệp kép hay Hoàng thảo cẳng gà, Hoàng thảo đùi gà, Hoàng phi hạc, Thạch hộc, Kim hoa thạch hộc là một loài Lan trong chi Lan hoàng thảo*], rễ giống như cây (từ không rõ), [giải độc] cực kỳ hiệu nghiệm. Vào thời Hoàng Vũ 黃武 của nước Ngô, Lý Dụ 李侯 người Giang Hạ bị kết tội và bị đày đến Hợp Phố. Khi vừa



vào địa phận, Ông trúng độc. Người gia nô của Ông tên là Cát Lợi 吉利 tình cờ tìm được loại cỏ này, cho Ông dùng và giải được độc. Sau đó, Cát Lợi bỏ đi, không rõ đi đâu. Lý Dục dùng loại cỏ này cứu giúp nhiều người mà không biết bao nhiêu lần, nên đặt tên cỏ này là Cát Lợi. Chẳng lẽ Lý Dục bị đày không phải vì tội lỗi thật, hoặc có thể Lý Dục có đức âm thầm, nên thần minh sai Cát Lợi đến cứu Ông chẳng?

[Niên hiệu Hoàng Vũ 黃武 của Đông Ngô bắt đầu vào năm 222 và kết thúc vào năm 229. Đây là niên hiệu của Tôn Quyền 孫權, người sáng lập và trị vì nước Ngô trong thời kỳ Tam Quốc]



### Cỏ Cát Lợi

#### Lương Diệu thảo 良耀草

Có cảnh lá giống như Ma hoàng 麻黃. Vào mùa Thu, cây kết trái giống như hạt kê nhỏ. Khi được chế biến và ăn, nó có công dụng giải độc, nhưng hiệu quả



kém hơn cỏ Cát Lợi. Ban đầu, người có được loại thuốc này là con trai của nhà họ Lương 梁氏之子耀, vì vậy mà gọi thuốc này là Lương Diệu 良耀. Sau này, tên gọi được đổi thành Lương 良. Hoa của cây có màu trắng, giống như hoa của cây Ngưu Li 牛李. Nó xuất hiện ở vùng Cao Lương 高涼 [nay là địa cấp thị Ân Bình, tỉnh Quảng Đông].

*[Ma hoàng tên gọi khác Thảo ma hoàng là một chi thực vật hạt trần chứa các loại cây bụi, và là chi duy nhất trong họ Ma hoàng cũng như bộ Ma hoàng]*



*Cây Ma Hoàng*

## Cây Huệ thảo 蕙草 [Linh Lăng Hương]

Còn gọi là Huân thảo 薰草, có lá giống như lá cây gai, mọc đối xứng từng đôi một. Có mùi giống như cây Mi vu 靡芜 [Xuyên Khung]. Cây này có công dụng chữa bệnh ghẻ lở. Nó xuất hiện ở vùng Nam Hải.

[*Cây Huệ thảo 蕙草, còn gọi là Linh Lăng Hương, Linh Hương Thảo 灵香草, tên khoa học: Lysimachia foenum-graecum là một loài thực vật có hoa trong họ Anh thảo. Loài này được Hance mô tả khoa học đầu tiên năm 1877*]



*Huân Thảo*





*Cây Huệ Thảo*

Còn về hoa của các loại cây cỏ ở Giao Chỉ, hoa nở vào mùa Xuân thì phát triển vào mùa Đông, hoa nở vào mùa Hè thì phát triển vào mùa Xuân, hoa nở vào mùa Thu thì phát triển vào mùa Hè, và hoa nở vào mùa Đông thì phát triển vào mùa Thu. Vì hoa của các cây cỏ kéo dài suốt năm nên phụ nữ Giao Chỉ thường có hoa trên đầu suốt bốn mùa, không bao giờ thiếu hoa.

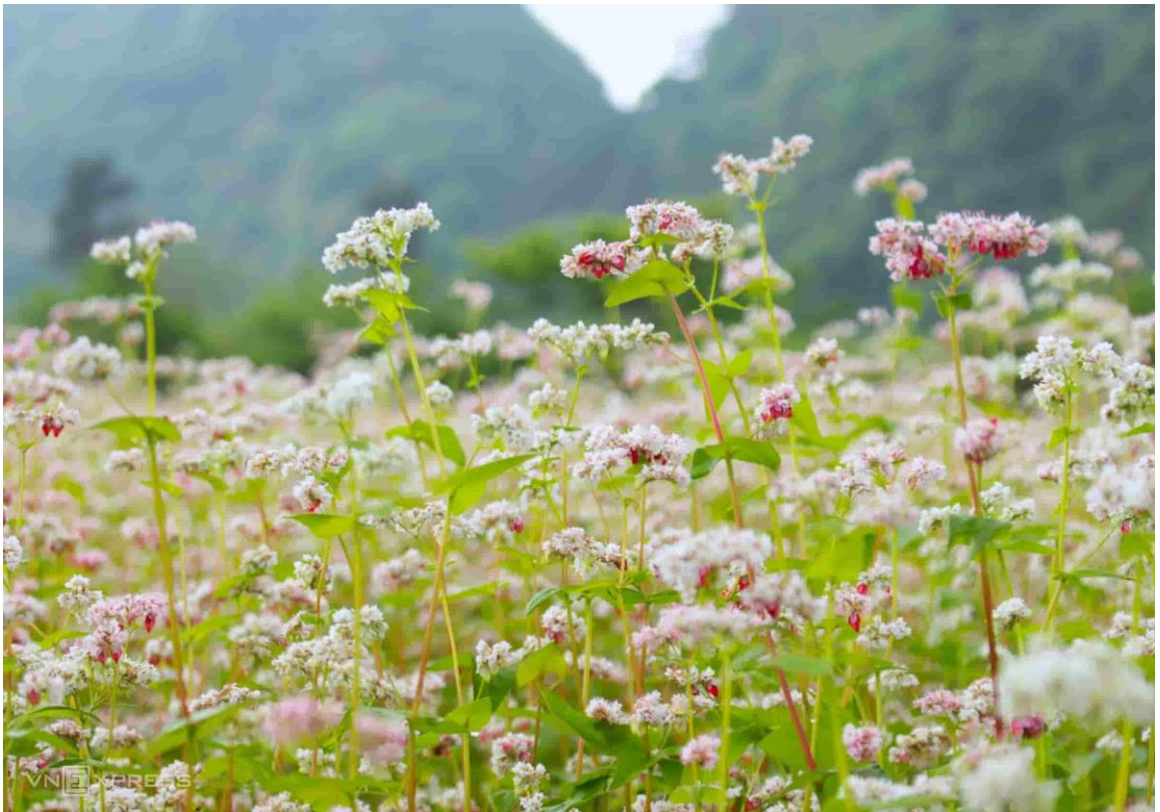




















-----



## QUYỂN TRUNG

### Cây Phong 楓

Ở giữa 5 ngọn núi Ngũ Lĩnh có rất nhiều. Sau một thời gian dài, cây phong có thể sinh ra các khối u hoặc cục lồi. Nếu vào một đêm có sấm sét và mưa to, những khối u này có thể phát triển dài ra thêm 3 hoặc 5 thước. Người dân Việt cho rằng những khối u này có thể dùng để làm thuốc, có tác dụng liên kết với thần linh. Nếu không thu hoạch theo cách này, chúng sẽ biến mất.



*Cây Phong*

### Cây Phong hương 楓香

[còn gọi là cây Sau Sau] có hình dáng giống như cây Bạch Dương 白楊, với lá tròn và phân nhánh. Cây có mùi thơm và chứa một lượng nhựa. Quả của cây to như trứng vịt, nở hoa vào tháng Hai và quả chín vào tháng Tám hoặc Chín.



Sau khi phơi khô, quả có thể được dùng để đốt. Loại cây này chỉ xuất hiện ở huyện Cửu Chân.



*Minh họa cây Phong Hương*





*Cây Phong Hương*



## Cây Huân Lục Hương 薰陸香

Xuất xứ từ Đại Tần 大秦 [*chỉ các nước của Đế chế La Mã hoặc tùy theo ngữ cảnh, vùng Cận Đông, đặc biệt là Syria*], mọc ở ven biển. Cây có kích thước lớn, cành lá giống như cây Cổ Tùng 古松 [*thông cổ*], sinh trưởng trên cát. Vào mùa Hè, nhựa cây chảy ra từ cây, người ta thu hoạch nhựa này từ mặt cát phía trên.



*Cây Huân Lục Hương*

## Cây Dong 榕樹

Ở Nam Hải và Quế Lâm, rất nhiều nơi trồng. Lá của nó giống như lá cây Mộc ma 木麻, quả giống như cây Đông thanh 冬青. Thân cây có hình dáng như hình nắm tay, cong queo, không thể dùng làm vật dụng. Vân trên thân cây sâu, không thể dùng làm vật liệu. Khi đốt, không có ngọn lửa, nên không thể dùng làm củi. Chính vì không thể làm vật liệu nên cây này có thể tồn tại lâu dài mà không bị hư hại. Cây có bóng mát rộng lớn, nên người ta dùng nó để nghỉ ngơi. Hơn nữa, cành và lá của cây rất dày, cành mảnh và mềm như dây leo, rủ xuống dần đến mặt đất. Đầu cành khi chạm đất sẽ mọc rễ, một cây lớn có thể có nhiều rễ ở bốn hoặc năm chỗ và các cành ngang ra có thể liên kết với cây bên cạnh. Người dân phương Nam coi đây là cây bình thường, không gọi là cây may mắn.

*[Cây Dong 榕樹, còn gọi là Gừa hay Si quả nhỏ, là một loài thực vật có hoa trong họ Dâu tằm]*



*Cây Dong*





*Cây Dong trong bản vẽ*

[*Cây Búi hay Đông thanh, Nhựa ruồi là chi thực vật có hoa trong họ Aquifoliaceae. Chi này có từ 400 đến 600 loài, bao gồm các loài cây thường xanh và lá rộng, cây bụi, và dây leo phân bố ở những vùng nhiệt đới đến ôn đới trên toàn cầu*]



*Quả cây Đông Thanh*

### **Hạt Ích Trí 益智子**

Có hình dáng giống như lông bút, dài khoảng bảy đến tám phân. Vào tháng Hai, hoa của nó có màu giống như hoa sen. Quả chín vào tháng Năm và tháng Sáu, có vị cay lẫn với 5 vị khác, mùi hương rất thơm. Có thể dùng để muối



hoặc phơi khô. Ở Giao Chỉ và Hợp Phố, vào năm thứ tám thời kỳ Kiến An 建安 của nhà Đông Ngô, khi Trương Tân 张津 làm Thứ sử Giao Châu, đã từng dùng hạt Ích Trí để làm bánh gạo nếp [nguyên văn: Tống 糰] tặng cho Ngụy Vũ Đế 魏武帝.

[Hạt Ích Trí 益智子 còn gọi là Riềng lá nhọn, Riềng thuốc (danh pháp hai phần: *Alpinia oxyphylla*) là cây thân thảo thuộc họ Gừng. Cây mọc ven suối và dưới tán rừng thưa, có thể cao đến 3 m, ra hoa tháng 3 đến tháng 5. Quả có thể dùng làm thuốc. Cây có mặt ở Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây), Việt Nam].



*Cây và hạt Ích Trí [Riềng lá nhọn]*

## Cây Quế 桂

Xuất hiện ở Hợp Phố, thường mọc ở đỉnh núi cao, luôn xanh quanh năm cả mùa Đông lẫn mùa Hè, và thường mọc thành rừng không lẫn với các loại cây khác. Ở Giao Chỉ, người ta trồng quế trong các vườn quế. Quế có 3 loại: loại có lá giống lá cây Bách 栢, vỏ màu đỏ gọi là Đan Quế 丹桂; loại có lá giống lá Hồng, gọi là Khuẩn Quế 菌桂; loại có lá giống lá Tì Bà [cây Nhót tây, tỳ bà, sơn tra Nhật Bản hay lô quất là một loài cây mọc, cho trái ăn được thuộc họ Rosaceae. Bản địa của cây nhót tây là miền Hoa Nam nhưng đã được trồng hơn 1.000 năm ở Nhật Bản nên tên khoa học nhắc đến nguồn gốc Japonica] gọi là Mẫu Quế 牡桂. Trong sách Tam phụ Hoàng đồ 三輔黃圖 có ghi:

"Ở phía nam Cung Cam Tuyền 甘泉宮, có hồ Côn Minh 昆明池, trong hồ có điện Linh Ba 靈波殿, dùng quế làm cột, gió thổi qua thì tỏa hương" .



Hình vẽ cành và hoa Quế





*Rừng cây quế*

[Đan Quế (tên khoa học: *Osmanthus fragrans* var. *aurantiacus*), còn được gọi là Kim Quế, Hồng Quế, hay Kim Mộc Tế, là một loại cây thân gỗ thường xanh thuộc họ Mộc Tế. Loài này có mùi hương đặc trưng mạnh mẽ, vừa mặn vừa ngọt. Đan Quế phát triển từ loài Bạch Quế (Ngân Quế) có hoa màu trắng thông thường. Hoa và mật của nó tại Trung Quốc có thể được chế biến thành những món ăn truyền thống có vị ngọt. Mặc dù tên phổ biến chính thức là Đan Quế, trong tiếng Trung, người ta thường chỉ gọi đơn giản là Quế Hoa, và thường không phân biệt rõ ràng giữa Đan Quế và các loại Quế Hoa khác. Thực chất, Đan Quế chỉ là một "loài" trong các loài thuộc họ Quế Hoa. Tên thông thường của Quế Hoa thuộc họ Mộc Tế, và Đan Quế (*Osmanthus fragrans* var. *thunbergii*) là một biến thể của loài Quế Hoa phổ biến nhất - Ngân Quế (*Osmanthus fragrans* var. *latifolius*)].





*Đan Quế*

*[Hương mộc Khuẩn Quế 香木菌桂 là tên gọi trong y học cổ truyền Trung Quốc. Đây là vỏ cây và cành lá của loài cây thuộc họ Mộc Tê, có tên khoa học là *Osmanthus heterophyllus* (G. Don) P. S. Green. Loài cây này phân bố tại Đài Loan*



*và được trồng rộng rãi ở nhiều khu vực khác. Hương mộc Khuẩn Quế có tác dụng bổ gan thận, tăng cường sức khỏe cho lưng và đầu gối, và giúp tiêu độc mụn nhọt. Nó được sử dụng để điều trị các triệu chứng như yếu lưng gối, mụn nhọt độc, và ho gà].*



*Cây và sản phẩm từ Khuẩn Quế*



*Cây và quả Tỳ Bà*



*Mẫu Quế*



## Cây hoa Chu Cận 朱槿 [hoa Dâm Bụt]

Có thân và lá giống như lá dâu tằm, bóng và dày. Cây chỉ cao 4 đến 5 thước, cành lá xòe rộng. Từ tháng Hai, cây bắt đầu nở hoa và kéo dài đến giữa mùa Đông thì tàn. Hoa của nó có màu đỏ sẫm, 5 cánh, to như hoa Thục quỳ, nhụy dài hơn cánh hoa. Trên lá có phủ lớp bụi vàng, khi ánh mặt trời chiếu vào, trông như ngọn lửa bùng cháy. Mỗi cụm cây có thể nở hàng trăm bông mỗi ngày, hoa nở vào buổi sáng và rụng vào buổi chiều. Khi cắm cành xuống đất, cây có thể sống lại. Loại cây này có nguồn gốc từ quận Cao Lương 高涼郡, còn được gọi là Xích Cận 赤槿 hay Nhật Cận 日及.

[*Dâm bụt (vùng ven biển Bắc Bộ gọi Râm bụt; phương ngữ Nam bộ gọi là Bông bụt, bông Lòng đèn, còn có các tên gọi khác mộc cận 木槿, chu cận 朱槿, đại hồng hoa 大紅花, Phù tang 扶桑, Phật tang 佛桑; danh pháp hai phần: Hibiscus rosa-sinensis) là loài cây bụi thường xanh thuộc chi Dâm bụt họ Bông hoặc Cẩm quỳ (Malvaceae), có nguồn gốc Đông Á. Nó thường được trồng làm cây cảnh tại các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Hoa lớn, màu đỏ sẫm nhưng ít có hương. Phần hoa gần cuống có dịch nước vị ngọt đậm. Nhiều giống, thứ, lai được tạo ra, với màu hoa khác nhau từ trắng tới vàng và cam, hồng, đỏ tươi, với cánh đơn hay cánh đôi.*

*Hibiscus rosa-sinensis là quốc hoa của Malaysia, với tên gọi Bunga Raya trong tiếng Mã Lai, Sembaruthi trong tiếng Tamil, pka rummyul (పక్షి గుండె) trong tiếng Khmer và mamdaram trong tiếng Telugu (మందారం)].*



*Cây và hoa Dâm Bụt*

### **Cây hoa Chỉ Giáp 指甲花**

Cao khoảng 5 đến 6 thước, cành mềm yếu, lá giống như lá cây du non. Hoa của cây trắng tinh, hương thơm không kém gì so với hoa Da Tất Minh Vị Lợi 耶悉若未利. Đây là loài hoa do người Hồ mang từ nước Đại Tần 大秦 đến trồng ở vùng Nam Hải. Hoa rất nhỏ, chỉ lớn bằng nửa hạt gạo. Người ở đó thường bẻ hoa để đặt vào trong cổ áo và tay áo, nhằm tận hưởng mùi thơm của nó. Loài hoa này còn được gọi là Tán Mạt Hoa 散沫花.

*[Cây hoa Chỉ Giáp 指甲花 còn gọi là cây móng tay, tên khoa học là Lawsonia inermis, là một loài thực vật được Carl von Linné mô tả khoa học lần đầu vào năm 1753. Chúng còn có tên là cây lá móng tay, cây thuốc mọi, móng tay nhuộm, lá móng, lựu mọi, thuốc mọi lá lựu, chỉ giáp hoa, phương tiên hoa,*



*tán mạt hoa, khâu thiên (Tày), kok khao khao youak, khoa thiên (Lào). Cây có thân nhỏ (đường kính 3 cm), cao từ 50–100 cm, da nhẵn (mọc hoang có gai ở đầu cành, không nhọn sắc). Lá mọc đối, cuống ngắn, phiến lá đơn, nhỏ, hình trứng bầu dục nhưng đều, cuống hơi dẹp, lá dài từ 3–7 cm, rộng 2–4 cm. Cụm hoa hình chùy mọc ở đầu cành, gồm nhiều hoa nhỏ màu trắng, đỏ hay vàng, thơm. Quả mang hình cầu to bằng quả hạt tiêu, không nứt, phía cuống có đài bao bọc, có 4 cạnh dọc, 4 ngấn, trong chứa nhiều hạt nhỏ, có cạnh góc, vỏ hạt dai, rất dày, phía dưới xóp.*

*Cây mọc hoang và được trồng khắp nơi làm cảnh, hoặc làm bờ rào. Bộ phận dùng: lá, vỏ, thân, rễ. Trước đây ở Việt Nam, nhân dân thường dùng lá móng tay để nhuộm đỏ móng tay, móng chân cho dịp tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5), hiện nay ít trồng và sử dụng]*



*Hoa Chi Giáp [Tán Mạt hoa]*

## Mật hương 蜜香?

Trầm Hoài Viễn trong sách Nam Việt Chí 南越志 ghi rằng:

‘Cây Mật hương ở Giao Chỉ, người dân ở đây lấy bằng cách chặt các gốc cây già nhiều năm, qua một thời gian, lớp vỏ ngoài của cây khô héo và mục nát hết, chỉ còn phần lõi gỗ và các đoạn cành không bị hư hại, đen và chìm trong nước, chính là trầm hương... Những cành nhỏ chắc và chưa bị mục nát được gọi là thanh quế hương.’

**Trầm hương 沉香** [*hoặc Kỳ nam là một sản phẩm từ gỗ trầm hương với một loại nhựa gỗ có mùi thơm và sẫm màu, được sử dụng để làm hương, nước hoa và các sản phẩm đồ gỗ thủ công mỹ nghệ cỡ nhỏ. Kỳ nam hình thành từ trong lõi gỗ của cây Aquilaria sau khi chúng bị nhiễm một loại nấm mốc có tên là Phaeoacremonium*]

**Kê cốt hương 雞骨香** [*Kê cốt hương 雞骨香 hoặc Ba đậu lá dày, (danh pháp khoa học: Croton crassifolius) là một loài thực vật có hoa trong họ Đại kích. Loài này được Geiseler mô tả khoa học đầu tiên năm 1807*]

**Hoàng thực hương 黃熟香** [*Hoàng thực hương 黃熟香, một loại trầm hương đã trải qua quá trình nằm lâu trong đất, nên được gọi là "thực hương" 熟香. Vì đã được chôn dưới đất một thời gian dài, loại hương này trở nên mềm xốp như đất, rất dễ vỡ khi chạm vào. Cấu trúc sợi gỗ của nó đã bị phân hủy, chỉ còn lại các tuyến hương dạng tổ ong. Chính vì quá trình chôn lâu dưới đất, hương này có màu vàng và được gọi là thổ trầm hương 土沉香. Bản chất của "thực" trong "thực hương" là sự chín muồi, nên loại hương này được xem là đã hoàn toàn "chín" trong quá trình tự nhiên*]

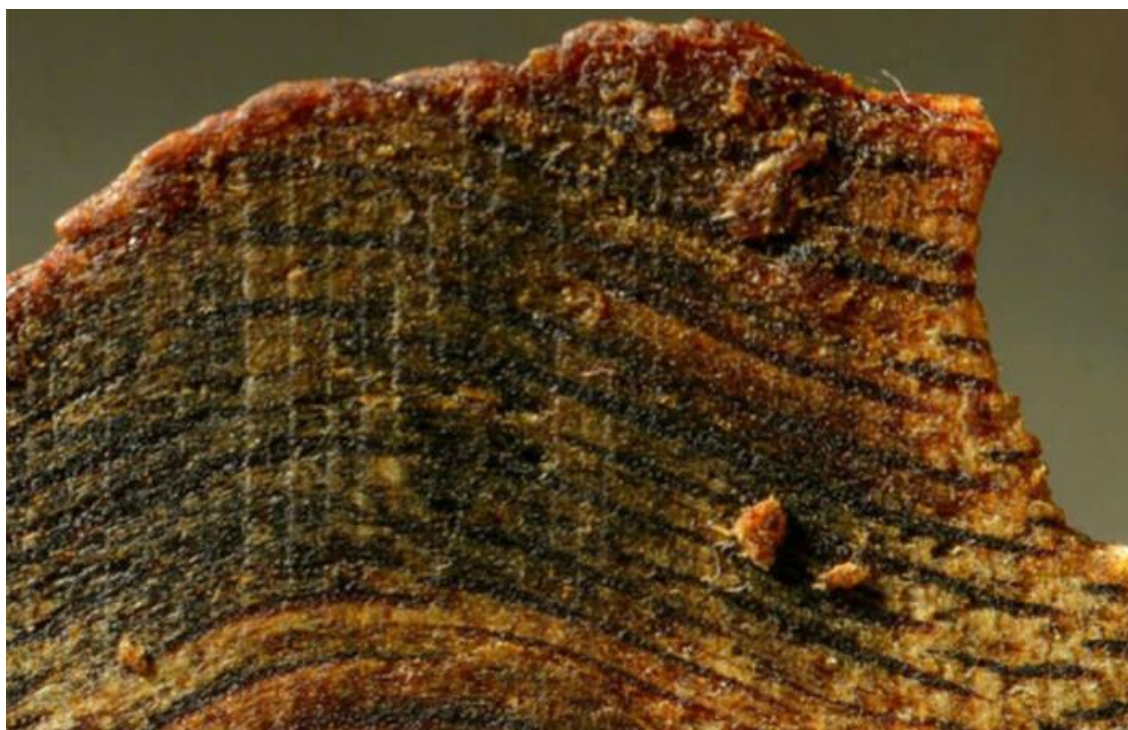




*Trầm Hương*



*Kê cốt Hương*



### *Hoàng Thục Hương*

**Trạm hương 棧香** [là một loại hương liệu thường được sử dụng trong các sản phẩm hương truyền thống, có nguồn gốc từ gỗ, và thường được dùng trong các nghi lễ tôn giáo hoặc để tạo không gian thơm mát]

**Thanh quế hương 青桂香** [loại hương này được làm và trộn từ quế thanh (thường là vỏ quế) và có mùi thơm thanh mát, cay nồng đặc trưng của quế. Nó thường được sử dụng để tạo ra các sản phẩm hương liệu có tác dụng ấm cơ thể và làm sạch không khí]

**Mã đề hương 馬蹄香** [loại hương này có thể xuất phát từ hình dạng hoặc mùi hương đặc biệt của loại cây, thảo dược hoặc gỗ mà nó được chế tạo từ. Mùi của mã đề hương thường nhẹ nhàng và dễ chịu, dùng trong y học hoặc nghi lễ]

**Kê thiệt hương 雞舌香** [loại hương này có nguồn gốc từ thảo mộc quý hiếm và có tên "kê thiệt" vì hình dạng hoặc kích thước của nó giống như lưỡi gà. Nó được biết đến với mùi thơm nhẹ và thường dùng để làm hương liệu cao cấp]



Xét 8 loại hương này đều xuất phát từ cùng một cây. Ở Giao Chỉ có cây Mật hương 蜜香樹, thân cây giống như cây Qũy liễu 檉柳, hoa của nó màu trắng và nở rộ, lá giống lá cây Quýt. Khi muốn lấy hương, người ta chặt cây và để lại qua nhiều năm, gốc, thân và các đốt cành sẽ có màu sắc khác nhau. Lõi gỗ và đốt cành cứng, đen, chìm trong nước được gọi là Trầm hương; những phần nổi trên mặt nước được gọi là Kê cốt hương; rễ cây được gọi là Hoàng thực hương; thân cây được gọi là Trầm hương; những cành nhỏ chắc và chưa mục nát được gọi là Thanh quế hương; rễ và đốt rễ nhẹ và lớn được gọi là Mã đề hương; hoa không có hương nhưng quả lại có mùi hương, gọi là Kê thiệt hương. Đây là loài gỗ quý hiếm.

### Cây Quang Lang 枕榔

Giống như cây Kiên Lư 楸欄. Vỏ của nó có thể dùng làm dây thừng, khi tiếp xúc với nước thì trở nên mềm dẻo và linh hoạt. Người Hồ ở Đại Tần dùng loại gỗ này để làm thuyền. Vỏ cây có lớp bụi như bột mì; nếu nhiều thì có thể lên tới vài hộc. Khi ăn, nó giống như bột mì thông thường. Tính chất của gỗ giống như tre, có màu tím đen và có vân. Người thợ chế biến nó để làm bàn cờ cờ vây 弈枰. Cây này xuất hiện ở châu Quảng và Giao Chỉ.

[Cây Quang Lang 枕榔, còn gọi là Cây báng (các tên gọi khác: đác, co pàng, quang lang, bụng báng, búng báng, báng búng, Cây Tà vạt, Cây rươi trời, Cây dừa núi), danh pháp khoa học *Arenga pinnata*, là giống cây lâu năm thuộc họ Cau, có nguồn gốc khu vực nhiệt đới châu Á, từ Đông Ấn Độ về phía đông tới Malaysia, Indonesia, và Philippines. Ở Việt Nam, cây báng mọc nhiều ở chân núi ẩm (Cao Bằng, Lạng Sơn), chân núi đá vôi, trong rừng thứ sinh. Ở tuổi trưởng thành cây có đường kính khoảng 40–50 cm (gốc và ngọn tương đương) và cao chừng 8-20 mét. Lá xẻ lông chim to trông như lá dừa, mặt dưới màu trắng, dài

6-12 mét và rộng khoảng 1,5 mét, với các lá chét mọc thành 1-6 hàng, dài 40-70 cm và rộng 5 cm. Cuống và bẹ lá có nhiều sợi dài có thể bền thừng. Bông mo phân nhánh nhiều, cong. Hoa đực có 70-80 nhị, hoa cái có ba lá đài còn lại trên quả. Cuống hoa chứa nhiều nước ngọt, có thể nấu thành đường hoặc cho lên men rượu. Quả hình gần cầu, đường kính 7 cm, vỏ màu xanh chuyển thành đen khi chín. Lõi thân chứa nhiều tinh bột, ăn được. Thân đực ra làm máng nước. Ruột cây báng độc, có cấu trúc sợi trải thưa dọc theo chiều thân cây, là chất liệu màu trắng, mềm. Bột trong lõi cây có thể dùng làm lương thực. Cho đến giữa thế kỉ 20, người Rục ở miền tây Quảng Bình còn lấy bột báng làm lương thực chính. Hiện nay ở Trung Quốc họ sử dụng bột báng rất nhiều để làm đồ uống mát bổ có lợi cho sức khỏe, bột báng còn là chất phụ gia không thể thiếu trong ẩm thực và làm bánh kẹo.

Lõi của trái trên cây là hạt đác, rất được ưa chuộng ở Indonesia (được gọi là kolang-kaling or buah tap) hay Philippines (được gọi là kaong). Ở Việt Nam, loại hạt này là đặc sản của vùng Nam Trung Bộ như những tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Nhiều người trồng báng làm cảnh vì có dáng đẹp. Dân miền núi thường lấy ruột cây để ủ men nấu rượu. Được nấu từ ruột cây báng sau khi đã ủ men rượu. Rượu báng là đặc sản của dân miền núi đá cao. Hiện nay ở một số xã của tỉnh Cao Bằng người dân vẫn làm rượu từ cây báng, nhưng phải mất khá nhiều thời gian để ủ và lên men (4 tháng) mới có thể cất rượu được]





*Cây Quang Lang*

## Cây Hà Lê Lặc 訶梨勒樹

Giống như cây Gỗ Hòe 木欖, hoa màu trắng, quả hình dạng giống như quả Trám 橄欖. Có 6 lớp vỏ và thịt, có thể dùng để chế biến thành đồ uống. Cây này biến thành màu trắng như râu tóc bạc nhưng lại làm cho màu đen trở nên rõ hơn. Xuất hiện ở Lưỡng Quảng và Giao Chỉ.

*[Cây Hà Lê Lặc 訶梨勒, còn được gọi là "Cây của sự sống", được mệnh danh là "Vị vua của các loại thuốc". Nó có nguồn gốc từ các vùng núi cao 2.000 mét ở dãy Himalaya. Trong tiếng Phạn, tên gọi của nó có nghĩa là "loại bỏ tất cả các bệnh tật". Đây là cây mà Phật Dược Sư (Yakushi Nyorai) cầm trên tay, tượng trưng cho sự chữa lành và tái sinh trong tự nhiên. Cây này được truyền vào Nhật Bản bởi hòa thượng Giác Chân trong chuyến hải hành của ông, và được coi là loại thuốc quý giá để xua đuổi tà ma].*



*Cây Hà Lê Lặc*



## Cây Tô Phương 蘇枋

Giống như cây Hòe Hoa 槐花, có quả màu đen xuất xứ từ Cửu Chân. Người dân phương Nam dùng nó để nhuộm màu đỏ. Khi dùng nước từ Đại Dữu 大庖, màu sắc trở nên đậm hơn.

[*Cây Tô Phương 蘇枋 tức là cây Tô Mộc, còn có các tên gọi khác là vang, tô phương, vang nhuộm, co vang, mạy vang (danh pháp hai phần: Caesalpinia sappan), là một loài thực vật thân gỗ nhỏ, cao khoảng 5-10 mét, cho gỗ rất rắn, có màu đỏ nâu ở phần lõi và trắng ở phần ngoài, được tìm thấy ở khu vực Đông Nam Á. Gỗ của nó trong tiếng Anh gọi là brezel wood. Gỗ tô mộc đã từng là một trong các mặt hàng chủ yếu trong buôn bán giữa người Nhật Bản và người khu vực Đông Nam Á (đặc biệt là Xiêm La) trong thế kỷ 17 trên các chu ẩn thuyền*]



Cây Tô Mộc

[*Hoa hòe hay cây hòe (danh pháp: Styphnolobium japonicum (L.) Schott, syn. Sophora japonica) là loài thực vật thuộc họ Đậu, Hoa hòe là cây bản địa Đông Á (chủ yếu là Trung Quốc; và như tên gọi Latin, nó được di thực đến Nhật Bản). Tại Việt Nam hòe được trồng làm cảnh và dùng làm thuốc. Thường dùng hoa hòe và quả hòe]*



*Cây hoa Hòe*

[*Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, còn được gọi là Tái Thượng 塞上, Đài Lĩnh 台嶺, Đông Kiêu 東嶠, Mai Lĩnh 梅嶺, và Dữu Lĩnh 庾嶺, là một trong Ngũ Lĩnh 五嶺, nằm ở biên giới giữa tỉnh Giang Tây và tỉnh Quảng Đông. Đây từ lâu đã là cửa ngõ giao thông giữa Quảng Đông và Giang Tây.*

*Thời Hán Cao Đế, Mai Cầm 梅鋗 đóng quân dưới chân núi, do đó núi được đặt tên là Mai Lĩnh 梅嶺.*

*Thời Hán Vũ Đế, Dữu Thắng 庾勝 đã xây dựng thành ở đây, do đó núi được gọi là Dữu Lĩnh 庾嶺.*



*Thời Đường, Trương Cửu Linh 張九齡 đã khai thông con đường nối với Trung Nguyên.*

*Thời Ngũ Đại, khu vực này bị bỏ hoang, nhưng vào thời Tống Gia Yếu dưới triều đại Bắc Tống, Thái Đĩnh 蔡挺 và anh trai của ông là Thái Kháng 蔡抗 đã tiến hành tu sửa và mở rộng, tạo thành con đường bằng phẳng.*

*Thời Nam Tống, Quản Nhuệ 管銳 đã trồng nhiều cây mai ở đây.*

*Đại Dữu Lĩnh là một dãy núi đá granit với hướng Đông Bắc-Tây Nam, độ cao khoảng 1.000 mét. Phía nam của núi có địa hình Đan Hồng với những dải đá sa thạch màu đỏ, thuộc công viên địa chất thế giới Đan Hà 丹霞山]*

### **[Lá của] cây Thủy Tùng 水松**

Giống như cây tùng nhưng mảnh mai và dài hơn, mọc ở đất Nam Hải. Cây này sản sinh nhiều loại hương, nhưng mùi hương của nó không mạnh lắm, vì vậy người ta không mấy ai ưa chuộng. Người ở phương Bắc thì rất yêu thích cây này, nhưng hương của nó đặc biệt chỉ ở phương Nam. Thực vật có tình cảm hay không? Nó không có hương ở nơi này mà lại có ở nơi khác, phải chăng nó không được người biết đến và chỉ được người hiểu biết yêu thích? Đó là sự khó khăn của lý lẽ vậy.

*[Thông nước hay thủy tùng (danh pháp hai phần: Glyptostrobus pensilis) là loài thực vật duy nhất còn tồn tại thuộc chi Glyptostrobus. Đây là loài đặc hữu của vùng cận nhiệt đới đông nam Trung Quốc, từ tây Phúc Kiến tới đông nam Vân Nam và cũng hiện diện ở miền Nam Việt Nam.*

*Cây gỗ trung bình đến to, thân cao đến 30 m hay hơn, đường kính thân 0,6 – 1 m hay hơn. Vỏ dày, hơi xốp, màu xám, nứt dọc. Cây có rễ khí sinh không bị ngập, phát sinh từ rễ bên, cao 30 cm, mọc lan xa cách gốc tới 6–7 m. Cây rụng lá,*

*có tán hình nón hẹp. Lá có 2 dạng: ở cành dinh dưỡng có hình dùi, dài 0,6-1,3 cm, xếp thành 2-3 dãy và rụng vào mùa khô, ở cành sinh sản có hình vảy, dài 0,4 cm và không rụng. Nón đơn tính, cùng gốc, mọc riêng rẽ ở đầu cành. Nón cái hình quả lê, mỗi vảy mang 2 noãn. Sau khi thụ tinh các vảy hóa gỗ và dính nhau ở gốc tạo thành một nón dài 1,8 cm, rộng 1,2 cm với các vảy gần như liền nhau 7 - 9 mũi nhọn hình tam giác, hơi uốn cong ra phía ngoài. Mỗi vảy mang 2 hạt, hình trứng, dài 13 mm, rộng 3 mm, mang cánh hướng xuống dưới. Loài này có nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên vì bị khai thác quá mức do gỗ không bị mối mọt, cong vênh, thớ gỗ mịn, và có mùi thơm.*

*Chi Glyptostrobus đã từng phủ một vùng rộng lớn hầu như khắp bán cầu Bắc, vào thế Paleocen. Hóa thạch cổ nhất biết đến là vào kỷ Creta, tìm thấy ở Bắc Mỹ. Chúng đóng góp rất lớn trong việc hình thành các đầm lầy than đá vào đại Tân Sinh. Vào trước và trong thời kỳ Băng hà, mật độ phân bố của chúng đã thay đổi, chỉ còn lại như ngày nay.*

*Ở Việt Nam, hoá thạch loài này thường gặp ở đầm lầy Lai Châu, Đồng Giao, Đắc Lắc. Riêng ở Đắc Lắc còn 2 quần thể Thủy tùng tự nhiên duy nhất ở Việt nam và cả trên thế giới ở huyện là Ea H'leo và Krông Năng hiện đã được khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt. Gỗ thủy tùng rất tốt, không bị mối mọt, có màu với viền rất đẹp nên được ưa chuộng để xây đền đài, nhà cửa, làm đồ mỹ nghệ, đồ dùng cao cấp. Gỗ thủy tùng có rất nhiều màu và nhiều loại vân khác nhau. Như tên gọi của nó, thủy tùng hay thông nước là loài mọc dưới nước hay ven nước, có quan hệ họ hàng khá gần với nhiều loài cây dạng thông khác]*





*Hình vẽ lá và quả Thủy Tùng*





*Cây Thủy Tùng*

### **Cây Thứ Đồng 刺桐**

Gỗ của nó được sử dụng làm vật liệu. Vào ngày 3 tháng Ba, lá của cây mọc dày và phong phú. Sau đó, cây có hoa màu đỏ xen lẫn giữa các lá. Những bông hoa bên cạnh đều có màu đỏ thẫm. Tuy nhiên, khi hoa tàn đi, thì khoảng 3, 5 bông lại nở tiếp. Cứ như vậy, trong suốt cả năm, ở Cửu Chân vẫn có.

[*Cây Thứ Đồng 刺桐, còn gọi là Vông nem, tên khoa học là Erythrina variegata, là một loại cây gỗ rụng lá thuộc họ Đậu 豆科. Cây này có nguồn gốc từ các khu vực nhiệt đới ở châu Á và các đảo thuộc vùng Thái Bình Dương, thường mọc ở các bờ biển san hô. Đặc điểm: cây gỗ lớn, có lá rụng vào mùa Đông và hoa có màu đỏ rực. Loại cây này được biết đến với khả năng ra hoa liên tục trong suốt năm*]





*Hình vẽ cây Thử Đồng*





*Cây Thờ Đổng*



## Cây Trác 梲

Thân và lá đều giống cây Xuân 椿. Người ta lấy lá của nó nấu thành nước cốt, dùng để ngâm trái cây, gọi là 'trác chấp' 梲汁. Nếu ai ăn thịt heo cùng với [nước] trác dịch, sẽ ngay lập tức bị sét đánh chết. Cây trác có ở quận Cao Lương.

[Cây Trác, có lẽ là một cây trong họ cây Xuân, theo mô tả thì đây có thể là cây Hồng xuân (tên khoa học: *Toona ciliata*) là một loài thực vật có hoa trong họ *Meliaceae*. Loài này được M. Roem. mô tả khoa học đầu tiên năm 1846]





*Hồng Xuân*

[cây Xuân 椿 hay Hương xuân (danh pháp hai phần: *Toona sinensis*; tiếng Hindi: डारू, chuyển tự dā rā lū ; tiếng Mã Lai: suren; tiếng Anh: Chinese toon, Chinese cedar, red toon) hay còn gọi tên khác là mạy sao, xoan hôi, cây thịt bò hành tây, hay tông dù là một loài cây thuộc Chi Hương xuân có nguồn gốc ở phía đông và đông nam Châu Á, từ Triều Tiên ở phía nam qua hầu hết các miền đông, trung và tây nam Trung Quốc đến Nepal, đông bắc Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan, Malaysia và phía tây Indonesia.

Đây là loài cây rụng lá cao tới 25 mét (82 ft) với thân cây có đường kính lên tới 70 cm. Vỏ cây có màu nâu, nhẵn trên cây non, trở nên bong vảy thành xù xì trên cây già. Các lá xếp hình lông chim, dài 50–70 cm và rộng 30–40 cm, với 10–40 lá chét, lá ở cuối thường không xuất hiện (lá chét lông chim chẵn)



*nhưng thỉnh thoảng có (lá chét lông chim lẻ); các lá nhỏ riêng rẽ dài 9–15 cm và rộng 2.5–4 cm, với toàn bộ viền lá hoặc viền răng cưa nông.*

*Các bông hoa nở vào mùa hè có những khóm hoa dài từ 30–50 cm ở cuối mỗi nhánh; mỗi bông hoa nhỏ có đường kính 4–5 mm với 5 cánh hoa màu trắng hoặc hồng nhạt. Quả có dạng quả nang dài từ 2–3.5 cm chứa nhiều hạt có cánh. Các nụ hoa có màu đỏ tía hoặc nâu đỏ và có mùi thơm đặc biệt. Thời kỳ ra hoa là tháng 7 hàng năm, với những bông hoa nhỏ màu trắng, những chùm hoa dài, 5 hoa lưỡng tính trên mỗi hoa, và những cành hoa thưa thớt. Sau khi ra hoa, quả hình bầu dục màu vàng được hình thành. Quả hương xuân tách ra sau khi chín, và hạt hình bầu dục của nó rơi xuống đất. Về ngoại hình, cây hương xuân và ailanthus rất giống nhau, nhưng lá có mùi khác nhau, ngoài ra, toon có vỏ sần sùi và ailanthus tương đối mịn]*



*Cây Xuân*

## Cây Sam 杉

Còn gọi là cây Phi Tiêm 披針. Ở phía đông của huyện Hợp Phố, cách khoảng 200 dặm, có một cây Sam. Vào năm Vĩnh Sơ 永初 thứ năm thời Hán An Đế 漢安帝 [năm 111], vào mùa xuân, lá của cây này rụng theo gió bay đến thành Lạc Dương 洛陽城. Lá của nó lớn gấp nhiều lần so với lá của cây sam thường. Thuật sĩ Liêm Thịnh 術士廉盛 nói rằng đó là lá của cây sam ở phía đông Hợp Phố, đây là điềm lành cho thấy vua chúa sẽ xuất hiện. Hoàng đế liền sai sứ giả đi kiểm tra và quả thật đúng như vậy. Sau đó, người ta dùng 1.000 người để đốn cây, nhiều phu khuân vác đã chết. Về sau, có 300 người ngồi trên thân cây đã bị đốn, ăn uống, qua lại thoải mái đến mức chen chúc nhau. Đến nay, gốc cây vẫn còn.

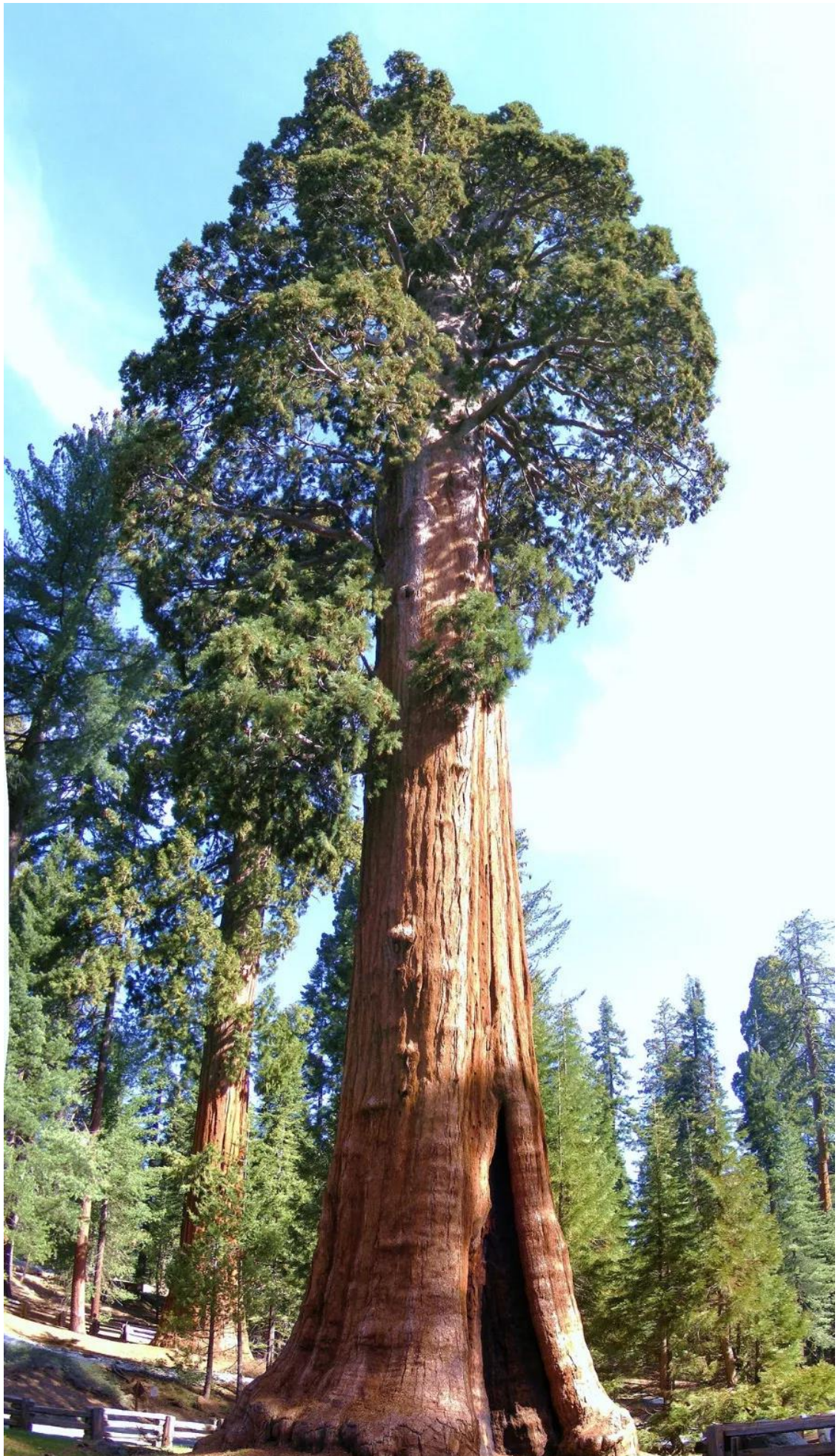
[cây Sam, tên khoa học: *Cryptomeria* là một chi thực vật hạt trần trong họ Hoàng đàn (*Cupressaceae*), trước đây được phân loại trong họ Bút mọc (*Taxodiaceae*). Chi này chỉ có một loài duy nhất với danh pháp hai phần là *Cryptomeria japonica* (đồng nghĩa: *Cupressus japonica* L.f.). Đây là loài đặc hữu của Nhật Bản, người Nhật gọi là *sugi* (tiếng Nhật: 杉-sam); tên gọi bản địa này ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu về thực vật học, để thay thế cho tên gọi cũ không chính xác về mặt thực vật học là "tuyết tùng Nhật Bản" - loài này thật ra không phải là loài cận chủng với nhóm tuyết tùng (chi *Cedrus*). Tiếng Việt gọi cây này là Liễu Sam hay Bách Nhật Bản. Theo mô tả của tác giả, đây có thể là một cây Cự Sam (*Sequoiadendron giganteum* là loài duy nhất trong chi *Sequoiadendron*, nó được phân loại trong họ *Cupressaceae* chứa phân họ *Sequoioideae*, cùng với *Sequoia sempervirens* (cù tùng) và *Metasequoia glyptostroboides* (thủy tùng)] [xem ảnh bên dưới]





*Hình vẽ cây Sam*







Ở Kinh Ninh Phố 荆寧浦 có ba loại cây Kinh 荆: Cây Kim kinh 金荆 [kinh vàng] có thể làm gối, cây Tử Kinh 紫荆 [kinh tím] có thể làm giường, và cây Bạch Kinh 白荆 [kinh trắng] có thể làm dép. Những loại này hoàn toàn khác với cây Mẫu Kinh 牡荆 và cây Mạn Kinh 蔓荆 ở các nơi khác. Ngoài ra, ở vùng này còn có cây Đỗ Kinh 杜荆, có thể tự chữa lành bệnh mà không cần cắt đứt cành. Khi có hiện tượng quầng trăng 月暈, người ta đo cắt cây này sao cho độ dài bằng với chiều cao của người bệnh, rồi đặt dưới giường, dù người bệnh nguy kịch cũng có thể được chữa khỏi.

[Cây Kinh, một loài cây mọc từng bụi, cao bốn đến năm thước, lá như cái bàn tay, hoa nhỏ, sắc tím hơi vàng, cành gốc cứng rắn, mọc rải rác ở đồng áng làm lấp cả lối đi. Cho nên đường đi hiểm trở gọi là kinh trăn 荆榛, kinh cước 荆棘. Sở Thanh Tử 楚聲子 gặp bạn là Ngũ Cử 伍舉 trên đường, trải cành kinh cùng nhau nói chuyện cũ, ban kinh đạo cổ 班荆道故. Ở nhà quê hay dùng cây kinh để đan phen, vì thế nên cánh cửa phen gọi là sài kinh 柴荆. Nước Sở 楚 có nhiều cây kinh nên gọi là Kinh 荆 hay Kinh Sở 荆楚]

*[Chi Tử kinh là một chi chứa khoảng 6-10 loài trong phân họ Vang của họ Đậu, có nguồn gốc trong khu vực ôn đới ẩm. Chúng là các cây thân gỗ nhỏ lá sớm rụng hay các cây bụi lớn, với đặc trưng là các lá đơn thuôn tròn hay hình tim và hoa màu đỏ ánh hồng, mọc về đầu mùa xuân trên các cành non không lá]*

*[Tử Kinh (tên khoa học: Cercis chinensis) là một loài cây gỗ rụng lá thuộc họ Đậu 豆科, chi Tử Kinh 紫荆屬. Loài cây này có nguồn gốc từ khu vực đông nam Trung Quốc]*



*Kim Kinh*



*Tử Kinh*





*Bạch Kinh*

[Mẫu Kinh 牡荊, (tên khoa học: *Vitex negundo* var. *cannabifolia*) là một biến thể của cây Hoàng Kinh 黃荊, thuộc chi Mẫu Kinh 牡荊屬 trong họ Hoa môi 唇形科. Cây bụi rụng lá hoặc cây gỗ nhỏ. Lá kép chân vịt có 5 lá chét mọc đối xứng, đôi khi có 3 lá chét. Các lá chét có hình mũi mác, đầu lá nhọn dài, gốc lá hình nêm và mép lá có răng cưa nhỏ. Mặt trên của lá có màu xanh nhạt, còn mặt dưới phủ lông tơ trắng. 3 lá chét ở giữa có cuống, trong khi hai lá chét ở hai bên không có cuống. Cụm hoa đầu cành dạng hình chùy nón, hoa màu tím nhạt hình môi nở vào mùa hè. Quả hạch hình cầu màu nâu]



*Mẫu Kinh*

[Mạn Kinh 蔓荊 hay còn gọi là Đẹn Ba Lá, (tên khoa học: *Vitex trifolia*) là một loài thuộc chi Mẫu Kinh 牡荊屬 trong họ Cỏ roi ngựa 马鞭草科. Đây là cây bụi rụng lá, thường có lá kép 3 chét. Cây được tìm thấy ở các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam. Nó sinh trưởng tại các đồng bằng, bãi sông, rừng thưa và gần các khu làng. Loài này cũng có phân bố ở Đài Loan, Ấn Độ, Việt Nam, Philippines và Úc]





*Mạn Kinh*



*Đỗ Kinh*

Lá của cây Tử Đằng 紫藤 mảnh và dài, thân cây giống như rễ tre, rất cứng và chắc, có nhiều lớp vỏ. Hoa của nó màu trắng, hạt màu đen. Nếu đặt cây vào rượu, để trong khoảng hai đến ba mươi năm cũng không bị phân hủy. Thân cây nếu cắt ra và đặt trong than đen, sau một thời gian sẽ tạo thành một loại hương tím, có thể dùng để gọi thần linh.

[Chi Tử Đằng (tên khoa học: *Wisteria*) là một chi thuộc họ Đậu 豆科 và phân họ Hoa đậu 蝶形花亚科. Trong chi Tử Đằng có hàng chục loài, tất cả đều là cây leo. Chúng có nguồn gốc từ Đông Á và Bắc Mỹ. Nhiều loài trong chi này được ưa chuộng làm cây cảnh trong vườn, và một số loài đã trở thành loài xâm lấn khi được đưa vào Bắc Mỹ. Toàn bộ cây có thể có độc, đặc biệt là hạt của cây có độc tính cao]



*Tử Đằng*



## Cây Khạp Đằng Y 榼藤依

Leo bám vào cây khác, mọc như dây leo, tương tự như dây leo cây Thông Thảo Đằng 通草藤. Hạt của nó có màu tím đen, còn được gọi là hạt Tượng đậu 象豆. Sau 3 năm mới chín. Vỏ hạt được dùng để lưu trữ thuốc, có thể bảo quản nhiều năm mà không bị hỏng. Cây này có nguồn gốc từ vùng Nam Hải và được dùng để giải độc cho nhiều loại thuốc.

[*Khạp Đằng (tên khoa học: Entada phaseoloides), còn được gọi là Áp Kiện Đằng 鴨腱藤, Áp Kiến Đằng 鴨見藤 hoặc Khạp Đằng Tử 榼藤子, là một loài thực vật dạng dây leo thường xanh thuộc chi Khạp Đằng 榼藤屬 trong họ Đậu 豆科. Cây có lá kép lông chim hai lần với chất liệu giống như da, màu xanh lá cây. Cây ra hoa màu vàng với mùi thơm, cụm hoa dạng chùm, mỗi hoa có năm cánh. Hoa nở từ tháng 3 đến tháng 4, và quả chín vào cuối tháng 8. Cây có công dụng trong y học, có thể điều trị chứng thấp khớp và đau lưng*]



*Quả và hạt Khạp Đằng*



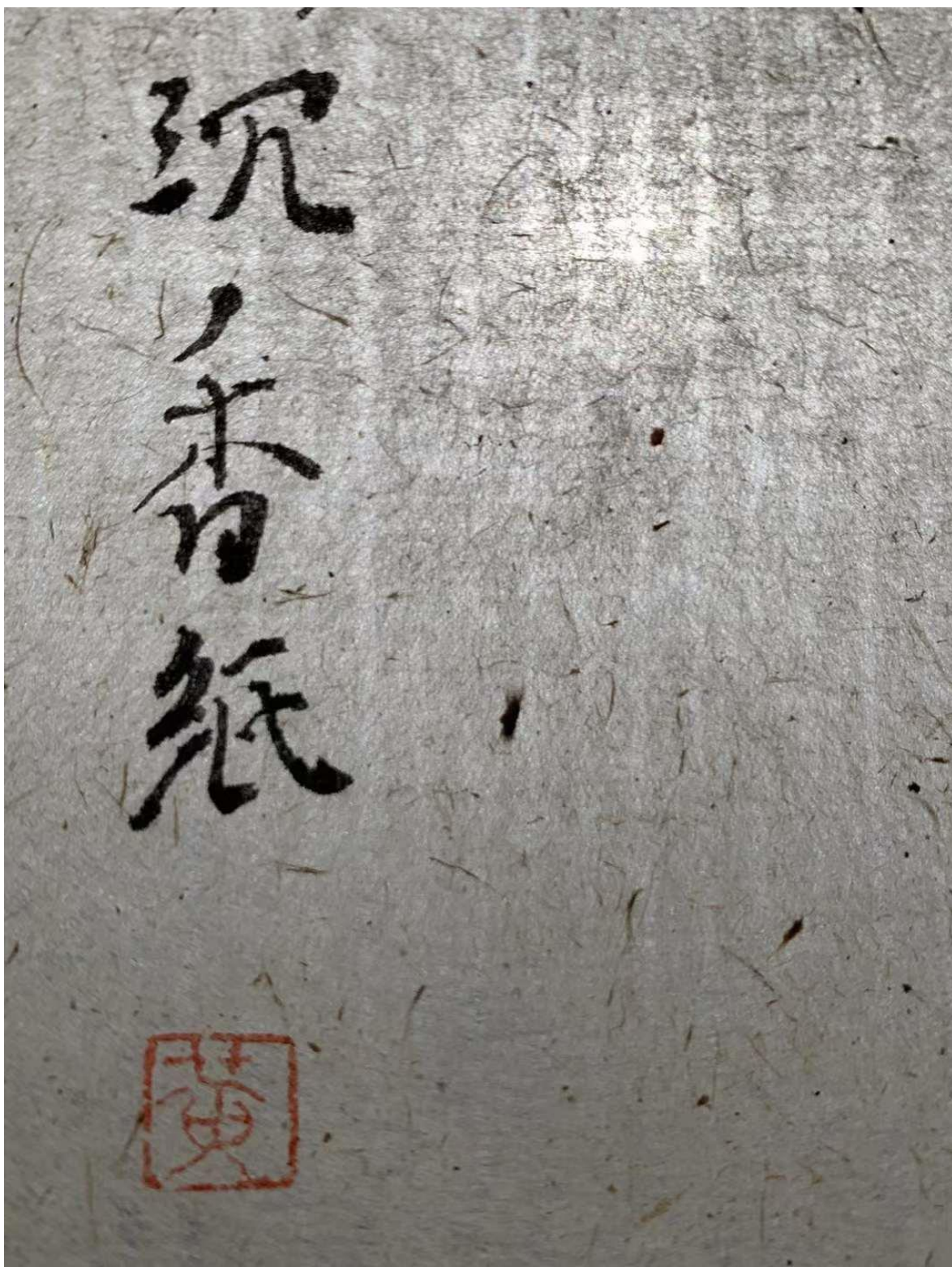
*Khạp Đằng*

### **Mật Hương Chi 蜜香紙 [Giấy Mật Hương]**

Được làm từ vỏ và lá của cây Mật Hương 蜜香樹. Nó có màu nâu nhạt với các vân giống như trứng cá, rất thơm và bền chắc, không bị phân hủy khi ngâm nước. Vào năm Thái Khang thứ năm 泰康五年 [năm 285], Lái buôn nước Đại Tần 大秦 [La Mã] đã cống nạp ba vạn tờ giấy này. [Vua Tấn] dùng một vạn tờ để ban thưởng cho Tướng quân Trấn Nam 鎮南大將軍 và Hầu tước Đương Dương 當陽侯 là Đỗ Dự 杜預. Đỗ Dự được lệnh viết các tài liệu như Xuân Thu Thích Lệ 春秋釋例 và Kinh Truyền Tập Giải 經傳集解 để gửi tiến cống. Tuy nhiên, trước khi hoàn thành, Đỗ Dự qua đời. Lệnh ban thưởng đã được chuyển cho gia đình của Đỗ Dự.

*[Mật Hương chỉ 蜜香紙 là loại giấy có hương thơm đặc biệt và tính chất bền bỉ, được sản xuất ở Giao Chỉ]*





*Giấy Mật Hương*

[Cây Mật Hương, Bạch Mộc Hương hay Nha Hương Thụ (tên khoa học: *Aquilaria sinensis*), còn được gọi là Mật Hương Thụ 蜜香樹, Hoàn Hương Thụ 莞]

香樹, Thổ Trầm Hương 土沉香, Nữ Nhi Hương 女兒香 và Bạch Mộc Hương 白木香, thuộc họ Thụy Hương 瑞香科 và chi Thổ Trầm Hương 土沉香屬. Do bị khai thác quá mức tại Trung Quốc đại lục, loài cây này thuộc danh sách các loài nguy cấp và được xếp vào danh mục thực vật bảo vệ cấp hai của Trung Quốc. Nó phân bố chủ yếu ở các khu vực như Hải Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Hồng Kông và Việt Nam]



*Cây Mật Hương hay Bạch Mộc Hương*

[Đỗ Dự 杜預; (222-284) là tướng nhà Tây Tấn, người Đỗ Lăng, Kinh Triệu (nay là phía đông nam Tây An, Thiểm Tây). Ông là người có tài văn võ kiêm toàn, ngoài công lao bình định nước Đông Ngô, chấm dứt cục diện Tam Quốc được nhiều người biết đến trong tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa, Đỗ Dự đương



*thời còn là một vị quan văn giỏi hoạch định chính sách, một nhà kinh tế có nhiều kế sách giúp nhà Tấn giàu mạnh]*

**Bảo Hương Lý 抱香履** là loại giày làm từ cây Bảo 抱木 mọc bên cạnh cây Thủy Tùng 水松, có vẻ như là cây ký sinh, nhưng rất mềm yếu, không chịu nổi dao búa. Khi còn ướt, nó có thể được cắt thành giày một cách dễ dàng như thái dưa, nhưng khi khô thì trở nên dai và khó xử lý. Giày dù lớn nhưng rất nhẹ, nếu bị gió thổi thì sẽ di chuyển theo gió. Vào mùa Hè, giày này có thể giúp chống lại hơi ẩm và nhiệt. Vào năm Thái Khang thứ sáu 泰康六年 [năm 285], Phù Nam 扶南 đã cống nạp 100 đôi giày này cho Đại Tần 大秦. Hoàng đế cảm thán và ngạc nhiên về sự khác thường của chúng, nhưng lại chê bai kỹ thuật chế tạo kém cỏi, chỉ để chúng ở các văn phòng bên ngoài để dự phòng.

Theo ghi chép của Đông Phương Sóc 東方朔 trong sách Tỏa Ngữ 瑣語, giày gỗ 木履 bắt nguồn từ thời Tấn Văn Công 晉文公. Khi Giới Tử Thôi trốn khỏi triều đình và sống ẩn dật bên cây, ông chết bên gốc cây. Tấn Văn Công thương tiếc cây gỗ nơi Giới Tử Thôi qua đời và dùng nó để làm giày, từ đó, mỗi khi nhìn vào đôi giày, công tôn vương cũng cảm thấy buồn bã và thương tiếc, vì vậy từ đó đôi giày này được gọi là "giày đau thương" [nguyên văn: Bi hồ túc hạ 悲乎足下]

*[cây Bảo 抱木, người dịch chưa rõ đây là cây gì]*

*[Đông Phương Sóc (160 TCN-93 TCN), là một học giả nổi tiếng ở tỉnh Sơn Đông, cùng thời với Tư Mã Thiên và dưới thời Hán Vũ Đế Lưu Triệt. Ông là một người kì trí đa mưu, tinh thông văn sử, đã giúp cho Hán Vũ Đế diệt trừ các thế lực đen tối ở hậu cung; đồng thời đánh bại các chư hầu âm mưu chia rẽ đất nước]*

[Tấn Văn công 晉文公, (697 TCN - 628 TCN), tên thật là Cơ Trùng Nhĩ 姬重耳, là vị vua thứ 24 của nước Tấn - chư hầu nhà Chu thời Xuân Thu trong lịch sử Trung Quốc. Ông cai trị từ năm 636 TCN đến năm 628 TCN, tổng cộng 8 năm]

[Giới Tử Thôi 介子推, còn được gọi là Giới Thôi 介推, Giới Tử, sống vào thời Xuân Thu và là một nhân vật nổi bật trong lịch sử của nước Tấn. Ông qua đời tại Miên Sơn 綿山, hiện nay là thành phố Giới Hưu 介休, tỉnh Sơn Tây 山西. Giới Tử Thôi là một trong những cố vấn có nhiều công lao của Tấn Văn Công 晉文公, người đã phải lưu vong sau sự hỗn loạn do Li Cơ 骊姬 gây ra. Sau khi Tấn Văn Công trở lại làm vua, phong thưởng cho những người có công nhưng lại quên mất Giới Tử Thôi. Giới Tử Thôi không oán giận gì, về nhà đưa mẹ vào núi ở ẩn. Tấn Văn Công nhớ ra, cho người đi tìm. Vì Giới Tử Thôi không chịu ra lĩnh thưởng, Tấn Văn Công hạ lệnh đốt rừng để ép ông phải ra; cuối cùng, hai mẹ con ông đều chết cháy. Vua thương xót, lập miếu thờ và hạ lệnh kiêng đốt lửa ba ngày, chỉ ăn đồ ăn nguội đã nấu sẵn để tưởng niệm, sau người ta gọi là Tết Hàn Thực]

[Tuy nhiên, theo sách này thì truyền thuyết về Tết Hàn Thực không liên quan gì đến Giới Tử Thôi]





*Cây Bão*

-----

## QUYỂN HẠ

### Tân Lang [Cây Cau] 檳榔

Cây cau 檳榔 cao mười mấy trượng, vỏ giống như cây Thanh đồng, đốt như cây trúc, gốc dưới không lớn, cành trên không nhỏ, đều tăm tắp, hàng ngàn hàng vạn cây như một, rừng cây tươi tốt không có cành, đầu ngọn có lá, lá giống như lá chuối, các nhánh lá tỏa ra, nhìn lên nhỏ bé như cắm một bụi chuối lên ngọn trúc. Gió đến, chỉ có một mình cây động, giống như giờ chiếc quạt lông quét bầu trời. Dưới lá treo nhiều buồng, mỗi buồng kết nhiều chục quả, quả to bằng quả đào quả lý, tự nhiên có gai dày đặc bao bọc bên dưới, để bảo vệ quả. Vị đắng chát, bỏ vỏ ra, nấu chín ruột, cứng như quả chà là khô. Dùng cây trầu không, vôi tôi cùng ăn thì trơn tru ngon miệng, hạ khí tiêu thức ăn. Xuất xứ từ Lâm Ấp, người ta ở đó coi trọng nó, khi có hôn sự, khách quý nhất định phải dâng trầu. Nếu tình cờ không chuẩn bị thì sẽ bị ghét bỏ. Còn gọi là thuốc quý ở cửa nhà.

[Cau hay còn gọi là Tân Lang 檳榔 (danh pháp hai phần: *Areca catechu*), là một loài cây trong họ Cau (*Arecaceae*) được trồng nhiều tại khu vực nhiệt đới châu Á và Thái Bình Dương cũng như ở phía đông châu Phi. Nó là loại cây thân gỗ trung bình, cao tới 20 m, với đường kính thân cây có thể tới 20–30 cm. Các lá dài 1,5–2 m, hình lông chim với nhiều lá chét mọc dày đặc. Chi Cau có khoảng 50 loài. Ở Malabar, *Areca dicksoni* mọc hoang dã và những người nghèo dùng nó thay cho cau thực thụ. Quả cau chứa các ancaloit như arecain và arecolin, khi được nhai thì gây say và có thể hơi gây nghiện. Cau được trồng tại Ấn Độ, Malaysia, Đài Loan, Việt Nam và nhiều nước châu Á khác. Đảo Penang, ngoài khơi bờ biển phía tây bán đảo Mã Lai, được đặt tên theo từ “pinang”, tên gọi địa phương của cau]





*Hình vẽ cây cau*



*Cây Cau*

### Lệ Chi 荔枝 [Cây Vải]

Cây vải 荔枝 cao năm sáu trượng, giống như cây Quế, lá xanh tươi tốt, mùa Đông mùa Hè đều xanh tốt, hoa xanh quả đỏ, quả to bằng quả trứng gà, hạt vàng đen giống như hạt sen chín, thịt trắng như mỡ, ngọt và nhiều nước, giống như quả Thạch Lựu, có vị ngọt và chua. Đến giữa trưa, bỗng nhiên đều đỏ thì có thể ăn được. Một cây có thể cho ra hơn một trăm hộc quả. Sách Tam Phổ Hoàng đồ 三輔黃圖 viết rằng:

“Hán Vũ Đế 漢武帝 năm Nguyên Đỉnh 元鼎 thứ sáu đánh bại Nam Việt, xây dựng cung điện Phù Lệ 扶荔宮. Phù Lệ là lấy tên của quả vải mà đặt. Từ Giao



Chỉ di thực 100 cây [vào Trung Nguyên], không có cây nào sống. Nhiều năm liền di thực không ngừng, sau vài năm, tình cờ có một cây hơi tươi tốt, nhưng cuối cùng cũng không có hoa quả. Vua cũng quý trọng nó, một hôm bỗng nhiên héo úa chết, quan lại chịu tội bị giết chết mấy chục người, sau đó không còn tươi tốt nữa. Quả thì vẫn bắt [Giao Chỉ] vẫn tiến cống hàng năm, người gánh vải mệt mỏi chết trên đường, cực kỳ làm khổ nhân dân.



*Hình vẽ quả vải*



*Cây Vải*

### **Da Thụ 椰樹 [Cây Dừa]**

Cây dừa: Lá cây dừa giống như lá cây cau, cao khoảng sáu bảy trượng, không có cành nhánh. Quả to như quả dưa hấu, bên ngoài có lớp vỏ thô, kế tiếp là lớp vỏ cứng, tròn và chắc. Khi bổ ra, có phần thịt màu trắng dày khoảng nửa tấc, vị giống như quả hồ đào, rất béo ngon. Có nước uống, khi uống vào có thể say. Dân gian gọi nó là "đầu Vua Việt" 越王頭. Tương truyền, xưa kia, vua Lâm Ấp và vua Việt có mối thù. Vua Lâm Ấp sai thích khách đến ám sát, chặt được đầu vua Việt treo lên cây, sau đó hóa thành quả dừa. Vua Lâm Ấp tức giận, ra lệnh bổ dừa làm bình uống. Người phương Nam đến nay vẫn bắt chước như vậy. Khi bị chém, vua Việt đang say rượu, vì thế nước dừa vẫn giống như rượu.





*Cây Dừa*

## Dương Mai 楊梅 [Dâu Rượu hay Thanh Mai đỏ]

Quả giống như viên đạn, có màu đỏ. Vào giữa tháng Năm thì chín, khi chín có vẻ giống như quả mơ, vị ngọt chua. Sách Lục Giả 陸賈 Nam Việt Hành Ký 南越行紀 nói rằng:

"Trên đỉnh núi La Phù 羅浮山 [*La Phù, còn có tên khác là Đông Tiêu là một rặng núi kéo dài 3 huyện Tăng Thành, Bác La và Long Môn thuộc tỉnh Quảng Đông, phía bắc sông Đông Giang. Núi La Phù là một trong Thập đại danh sơn của Trung Hoa, Tô Đông Pha từng ẩn cư tại đây*] có quả Dương Mai, cây đào núi mọc xung quanh. Người dân đi biển lên hái, chỉ hái được ăn no ở trên đỉnh núi, không mang xuống được."

Đông Phương Sóc trong sách Lâm Ấp Ký 林邑記 nói rằng:

"Quả Dương Mai ở núi Lâm Ấp to như cốc chén, khi còn xanh thì rất chua, khi đỏ thì vị giống như mật ở vách đá. Để ủ rượu, gọi là rượu nhót thơm. Không phải quý nhân hay khách quý thì không được uống"

[*Dương mai (tên khoa học: Myrica rubra), còn được gọi là dâu rượu hay thanh mai đỏ, là một loài thực vật có hoa trong họ Myricaceae. Loài này được (Lour.) Siebold & Zucc. mô tả khoa học đầu tiên năm 1846*]





*Quả Dương Mai*

### **Quả Quýt 橘**

Quả quýt có hoa màu trắng, quả màu đỏ, vỏ thơm, vị ngon. Từ thời Hán Vũ Đế, ở Giao Chỉ có một quan chuyên về việc quản lý quýt, gọi là Quan Quýt橘官, chức tước [được hưởng] 200 thạch [lương], chịu trách nhiệm cống nạp quýt cho triều đình. Vào thời Hoàng Vũ 黃武 nhà [Đông] Ngô [Tôn Quyền], thái thú Giao Chỉ 交趾太守 là Sĩ Nhiếp 士燮 dâng lên 17 quả quýt cùng mọc trên một cuống, được xem là điềm lành, vì vậy các quần thần đều chúc mừng.

*[Thời Hoàng Vũ, niên hiệu của Tôn Quyền, từ năm 222-229]*

*[Sĩ Nhiếp hoặc Sĩ Tiếp 士燮; (137 - 226) là Thái thú Giao Chỉ vào cuối đời nhà Hán. Qua giai đoạn Tam Quốc, ông cát cứ và cai trị Giao Châu như một quốc gia độc lập từ 187 đến 226. Do ông đã thực thi nhiều chính sách tiến bộ nên được hậu thế tôn làm Nam Giao học tổ 南交學祖, đến Nhà Trần lại sắc phong mỹ tự*

Thiện cảm Gia ứng Linh vũ Đại vương 善感嘉應靈武大王, một số các sử quan nước ta thời phong kiến đánh giá cao gọi là Sĩ vương 士王].



Hình vẽ cây và quả quýt





*Cây và quả Quýt*

### Cây Cam 柑

Cây cam thuộc loại cây quýt, có vị ngọt ngon, đặc biệt hơn các loại khác. Có loại màu vàng, có loại màu đỏ thẫm. Loại màu đỏ thẫm được gọi là Hồ Cam 壺柑. Người Giao Chỉ thường dùng giỏ tre để chứa kiến, đem bán ở chợ. Tổ kiến giống như lớp bông mỏng, giỏ tre thường được buộc kèm cành và lá, bên trong có kiến. Kiến ở đây có màu đỏ vàng, lớn hơn kiến thường. Cây cam ở phương Nam, nếu không có loài kiến này thì quả cam đều bị sâu bọ phá hoại, không còn quả nào lành lặn. Hiện nay, trong vườn Hoa Lâm 華林園 có hai cây cam, khi đến mùa kết quả, Hoàng đế [nhà Tấn] lệnh cho quần thần tổ chức yến tiệc tại đó, hái quả để ban thưởng.

[Trong tiếng Trung hiện đại, cây cam được viết là: tranh 橙, trái cam là tranh tử 橙子]



*Hình vẽ cành và quả cam*



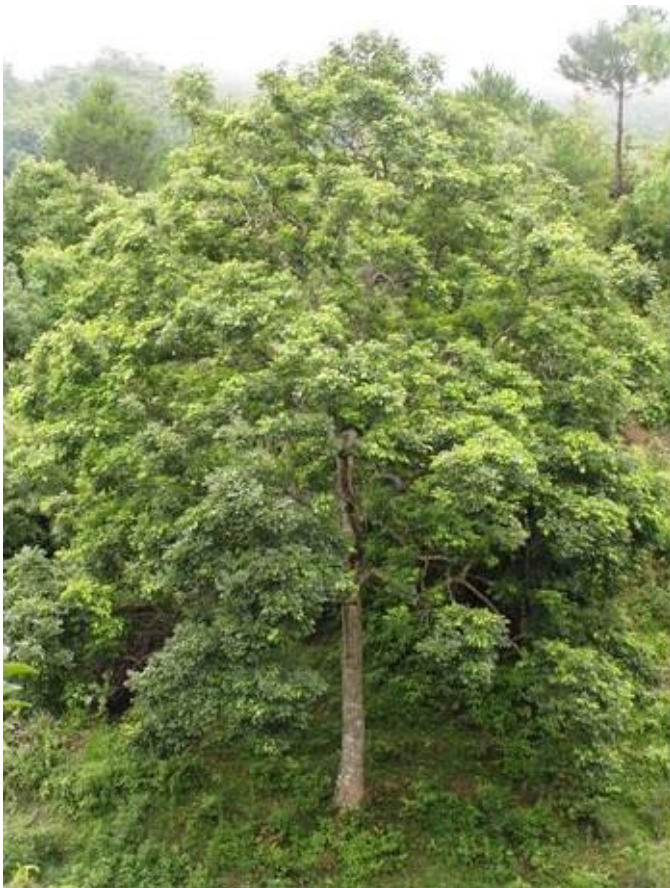


*Cây Cam*

### **Cây Trám 橄欖樹**

Có thân cây thẳng, các cành đều cao đến vài trượng. Quả chín vào cuối mùa Thu, tuy có vị đắng chát nhưng khi nhấm nháp lại có mùi thơm vượt trội hơn cả mùi thơm của gà rừng nướng. Thời Đông Ngô, hàng năm [Giao Chỉ] đều cống nạp loại quả này để ban thưởng cho các cận thần. Triều đại hiện tại [Tây Tấn], từ thời Thái Khang trở đi, cũng làm như vậy.





*Trám trắng*





*Cây Trám đen*

## Cây Long nhãn 龍眼樹

Giống như cây vải 荔枝, nhưng cành lá nhỏ hơn. Vỏ quả có màu xanh vàng, hình tròn như viên đạn, hạt giống như hạt Mộc Khẩu 木梔子 [một loại gỗ nhỏ, hạt đen tròn], nhưng không cứng. Thịt quả có màu trắng, hơi có nước, vị ngọt như mật ong. Mỗi chùm có năm sáu mươi quả, kết thành từng chùm như nho. Khi quả vải đã hết mùa thì quả Long nhãn mới chín, nên nó được gọi là Lệ Chi nô [nô tì của vải] 荔枝奴, ý nói luôn theo sau quả vải. Trong sách Đông Quan Hán Ký 東觀漢記 có nói rằng:

"Thiên vu (vua Hung Nô) đến triều kiến và được ban tặng Quýt, Cam, Long nhãn và Vải."

Tào Phi, tức Ngụy Văn Đế, từng ra chiếu dụ quần thần rằng:

- Loại quả quý hiếm của phương Nam có Long nhãn và Vải, lệnh mỗi năm phải cống nạp.

Các loại quả này được lấy từ Cửu Chân và Giao Chỉ.



*Quả Nhãn*





*Tranh vẽ chùm nhãn*





*Cây Long nhãn*

### **Cây Hải Táo 海棗樹 [Cây Chà Là]**

Cây Hải Táo không có cành nhánh, thân cây vươn thẳng cao khoảng ba bốn mươi trượng. Trên đỉnh cây có khoảng 10 cành mọc xung quanh. Lá giống như lá cây cau, 5 năm mới ra quả một lần, quả rất to, to như chén bát. Hạt không nhọn ở hai đầu, cuộn lại và tròn. Vị của quả cực kỳ ngọt ngon, ngay cả táo Ngự ở An Ấp 安邑御 cũng không thể sánh bằng. Vào năm Thái Khang thứ năm, nước Lâm Ấp đã dâng lên 100 quả. Ngày trước, Lý Thiếu Quân 李少君 từng nói với Hán Vũ Đế:

- Thần từng du ngoạn ở biển và thấy An Kỳ Sinh 安期生 ăn quả táo lớn như quả dưa. Đó không phải là chuyện bịa đặt!



[Chà là (danh pháp khoa học: *Phoenix dactylifera*) là loài đặc trưng trong chi Chà là thuộc họ Cau, là loài được trồng để lấy quả. Mặc dù xuất xứ ban đầu của nó không được biết rõ do nó được trồng trọt trong thời gian dài, nhưng có lẽ nó xuất phát từ các đảo thuộc vịnh Ba Tư. Đây là loài cây có kích thước trung bình cao khoảng 15-25m, có thân thẳng hoặc mọc ra nhiều thân từ gốc. Lá dài 3–5 m, với nhiều sóng/cọng tỏa ra (khoảng 150), các cọng này dài khoảng 30 cm và rộng 2 cm]

[An Ấp 安邑县 được lập ra từ thời nhà Tần và là một nơi quan trọng trong lịch sử Trung Quốc. Nơi này vốn là đô thành ban đầu của nước Ngụy 魏国, một trong các nước thời Chiến Quốc. Địa điểm của An Ấp ngày nay nằm ở phía tây bắc huyện Hạ 夏县, tỉnh Sơn Tây 山西省. An Ấp từng đóng vai trò quan trọng về mặt chính trị và kinh tế trong thời kỳ đó, nhờ vào vị trí chiến lược trong vùng lưu vực sông Hoàng Hà]

[Lý Thiệu Quân là một đạo sĩ và phương sĩ sống vào đời nhà Hán. Vào đời Tần Thủy Hoàng và các đời vua Hán, các phương sĩ rất được sủng ái. Đời Hán, đứng đầu các phương sĩ là Lý Thiệu Quân. Lý đề xướng một quan điểm mới. Muốn thành tiên thì phải luyện đan]

[An Kỳ Sinh 安期生 là một nhân vật huyền thoại trong truyền thuyết Trung Hoa, được cho là một đạo sĩ tu theo phái Phương Tiên 方仙, chuyên về thuật trường sinh và tu luyện bất tử. Ông sống vào thời kỳ giữa nhà Tần và nhà Hán, mặc dù không rõ năm sinh và mất. An Kỳ Sinh được truyền tụng là người đến từ Lang Da 琅琊, và thường xuất hiện trong các câu chuyện về tiên nhân, với những khả năng siêu nhiên.

Theo truyền thuyết, An Kỳ Sinh từng bán thuốc ở bờ biển Đông Hải. Ông nổi tiếng với việc luyện tiên đan và được cho là có liên quan đến các thần thoại

*về trường sinh bất tử. Trong một số tài liệu, An Kỳ Sinh còn được mô tả là người đã gặp Hán Vũ Đế và nói về sự trường sinh, cũng như ăn những quả táo lớn như dưa]*

*An Kỳ Sinh là một trong những nhân vật nổi bật trong văn hóa tiên đạo và đóng vai trò quan trọng trong niềm tin về bất tử thời cổ đại Trung Quốc]*



*Cây Chà Là*





*Cây và quả Chà Là*

### **Cây Thiên Tuế 千歲子 [quả ngàn năm, Cây Lạc]**

Có dây leo mọc ra từ đất, quả ở dưới gốc, rễ có tua màu xanh lẫn lộn như dẹt. Mỗi chùm quả thường có hơn 200 hạt, vỏ màu xanh vàng, bên trong vỏ có thịt giống hạt dẻ, mùi vị cũng giống như vậy. Khi khô, vỏ và thịt tách rời, lắc sẽ nghe tiếng, giống như nhục đậu khấu, được tìm thấy ở Giao Chỉ.

*[Cây Lạc, (danh pháp hai phần: Arachis hypogaea), là một loài cây thực phẩm thuộc họ Đậu có nguồn gốc tại Trung và Nam Mỹ. Nó là loài cây thân thảo hàng năm có thể tăng chiều cao từ 30–50 cm. Lá mọc đối, kép hình lông chim với bốn lá chét, kích thước lá chét dài 1–7 cm và rộng 1–3 cm. Hoa dạng hoa đậu điển hình màu vàng có điểm gân đỏ, cuống hoa dài 2–4 cm. Sau khi thụ phấn, quả phát triển thành một dạng quả đậu dài 3–7 cm, chứa 1-4 hạt (ánh), và quả (củ)]*

thường giấu xuống đất để phát triển. Trong danh pháp khoa học của loài cây này thì phần tên chỉ tính chất loài có hypogaea nghĩa là "dưới đất" để chỉ đặc điểm quả được giấu dưới đất. Hạt lạc (ánh lạc) là loại thực phẩm rất giàu năng lượng vì có chứa nhiều lipid. Vì lạc là một loại cây trồng nhiệt đới và cận nhiệt đới, vào những năm 1530, người Bồ Đào Nha đã mang lạc đến Ấn Độ và Ma Cao, người Tây Ban Nha mang đến Philippines, rồi sau đó lan rộng sang Trung Quốc, tuy nhiên, theo mô tả trong sách này thì Lạc đã được trồng ở nước ta từ rất sớm]



Cây Lạc



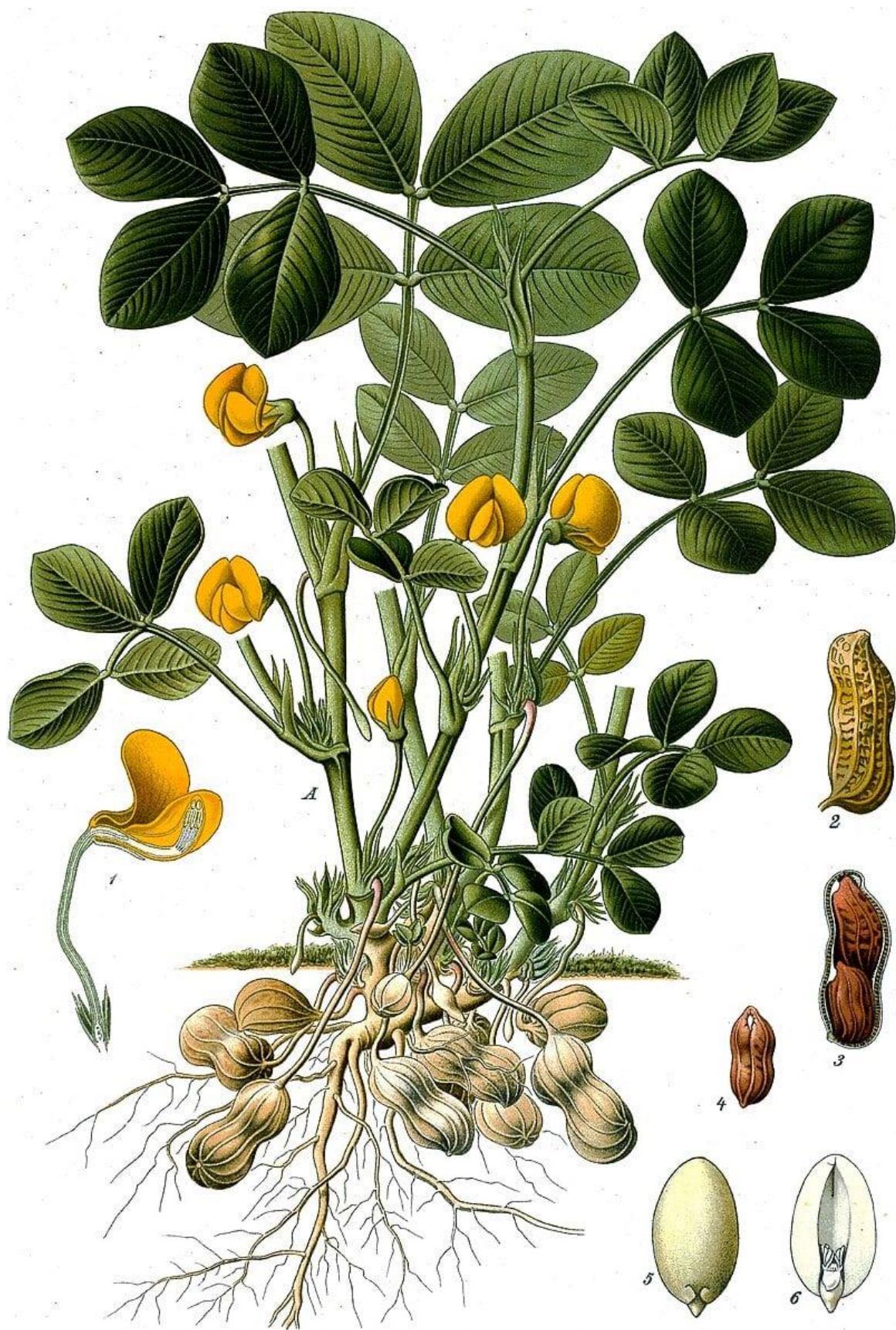


*Củ Lạc*



*Cây Lạc đang ra hoa*





*Hình vẽ cây, hoa và củ Lạc*



## Quả Ngũ Liêm 五斂子 [quả Khế]

To như quả mướp đắng, vỏ màu vàng, thịt bên trong giòn mềm và vị rất chua. Trên quả có 5 gờ nổi lên, giống như được khắc. Người phương Nam gọi các gờ đó là "Lăng" 稜 [nghĩa là cạnh], vì vậy quả được đặt tên là Ngũ Lăng [5 cạnh]. Khi được ngâm với mật, quả có vị ngọt và chua, rất ngon. Loại quả này xuất xứ từ Nam Hải.



Quả Khế

[ Trong tiếng Trung hiện đại, cây Khế gọi là Dương Đào 楊桃, (tên khoa học: *Averrhoa carambola*), còn gọi là Ngũ Liêm tử, tên cổ là Trường Sở, Đào Y, Lưu Ngột. Đây là một loại cây bụi thường xanh hoặc cây gỗ nhỏ thuộc họ Chua me đất, chi Dương đào. Loại cây này có nguồn gốc từ khu vực nhiệt đới Ấn Độ, Indonesia và Sri Lanka, thuộc vùng nhiệt đới châu Á. Người Phúc Kiến gọi nó là "Dương Đào" vì cho rằng nó đến từ biển lớn (Đại Dương). Người Quảng Đông, bao gồm cả Hong Kong, cũng gọi là "Dương Đào"]



*Hình vẽ quả Khế*

### **Quả Câu Duyên 鉤緣子 [Chưa rõ quả gì?]**

Có hình dáng giống vỏ quả dưa, trông như quả Cam nhưng có màu vàng. Người Hồ vô cùng quý trọng loại quả này vì hương thơm nồng nàn, thịt quả dày, trắng như củ cải trắng. Các nữ công lại thi nhau chạm khắc hoa lá, chim chóc lên quả, ngâm chúng trong mật ong, điểm thêm bột trầm hương, tạo nên những tác phẩm tinh xảo tuyệt đẹp, không gì sánh bằng. Năm Thái Khang thứ năm, Đại Tần tiến cống 10 vò quả này, nhà vua [Tấn Vũ Đế] ban thưởng 3 vò cho Vương Khải 王愷 để tăng thêm phần quý giá cho bộ sưu tập đồ ăn của Ông, nhằm khoe khoang với Thạch Sùng 石崇.

[Vương Khải 王愷, tự Quân Phu, người huyện Đàm, quận Đông Hải, quan viên, ngoại thích đời Tây Tấn. Ông từng thi giàu với Thạch Sùng và chịu thất bại. Ông nội là Tư đồ Vương Lãng nhà Tào Ngụy. Cha là Lan Lăng Cảnh hầu Vương Túc – bậc đại nho cuối đời Tào Ngụy. Khải là con trai thứ tư của Vương Túc và là



em trai của Vương Nguyên Cơ – chính thất của quyền thần Tư Mã Chiêu, mẹ của Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm, được truy tôn Văn Minh hoàng hậu. Khải sinh ra trong một gia đình vừa là thế tộc, vừa là ngoại thích, lại thêm có tính xa xỉ, đến mức dùng đá đỏ trát tường. Khải với Thạch Sùng nuôi chim Chạm, bị Tư lệ hiệu úy Phó Chi đàn hặc, quan viên hữu tư đều bàn rằng họ phạm trọng tội, nhưng Tấn Huệ đế giáng chiếu đặc cách tha bổng cho cả hai người. Do vậy mọi người càng kiêng dè Khải, còn Ông lại càng buông thả, muốn gì làm nấy.

Khải và Sùng thi giàu, Khải lấy mạch nha và côm khô để rửa nồi, Thạch Sùng dùng nến thay củi. Khải lấy vải dệt bằng tơ màu tím làm màn trướng giăng dài 40 dặm, Sùng lấy gấm làm màn trướng giăng dài 50 dặm để đáp lại. Sùng lấy tiêu trát vách, Khải lấy đá đỏ trát tường.

Hai người đem hết những thứ đẹp để ra so sánh. Tấn Vũ đế là cháu gọi Khải bằng cậu, lấy 1 cây san hô cao 2 thước ban cho Ông. Khải thấy cành lá sum suê, thế gian hiếm có, đem khoe với Sùng. Thạch Sùng liền lấy cây gậy ngọc Như Ý đập cây san hô ấy vỡ tan. Vương Khải cả giận nói:

- Túc hạ không có của quý như thế mà đem thi, nên mới đập cây san hô của ta!

Thạch Sùng vội đáp:

- Xin ngài đừng vội giận, ta xin đèn cây khác lớn hơn.

Nói rồi xin trở về nhà đem đến bốn cây san hô đều cao bốn thước, sáng rực, lấy một cây đèn cho Vương Khải.

Các bạn hai bên đều xin hòa, ai trở về nhà nấy.

Khải có một con bò, đặt tên là Bát Bách Lý Bác, thường đính ngọc quý lên sừng và móng của nó. Vương Tế (con Vương Hồn) nói với Khải rằng:

- Tài bắn của tôi không bằng anh, bây giờ hãy lấy con bò của anh làm vật cược, đổi lấy 1.000 vạn tiền nhé!

Khải cậy tài bắn của mình, lại cho rằng Tế sẽ không giết bò, nên đồng ý. Khải nhường Tế bắn trước, Tế bắn một phát trúng ngay tâm bia, ngồi trên ghế dựa, quát tả hữu:

- Nhanh đem tim bò đến đây.

Chốc lát, tim bò được nướng chín, Tế ăn một miếng rồi bỏ đi.

Khi anh em Lưu Dư và Lưu Côn còn là thiếu niên, Khải ghét họ, từng gọi đến nhà, muốn lạng lẽ giết đi. Khải lệnh cho đào hố, xong rồi, sắp sửa ra tay. Thạch Sùng với anh em họ Lưu thân thiết, nghe tin thì vội đến nhà Khải, biết là có chuyện, ngay trong đêm hỏi Khải anh em họ Lưu ở đâu, Khải không giấu được, đành nói:

- Đang ngủ ở nhà sau.

Sùng bèn xông vào, cổng hai anh em họ Lưu ra ngoài, đặt lên xe rồi cùng đi. Sùng nói với họ rằng:

- Còn nhỏ, sao lại khinh suất ngủ ở nhà người như thế!?

[Thạch Sùng (石崇; 249-300) là quan nhà Tây Tấn, nổi tiếng là nhân vật xa hoa giàu có đương thời.

Thạch Sùng tên chữ là Quý Luân, hiệu là Tề Nô, ở Thanh Châu đời Tây Tấn. Từ thuở nhỏ, ông có tư chất thông minh, nhiều mưu trí. Cha ông là Thạch



Bào, lúc gần chết, chia gia tài cho các con thì Thạch Sùng được phần ít nhất. Bà vợ thấy vậy hỏi chồng:

- Tại sao không chia đều cho các con?

Thạch Bào đáp:

- Tuy bây giờ chia cho nó ít, nhưng ngày sau nó sẽ giàu hơn mấy đứa kia gấp bội!

Thạch Sùng lớn lên, nhờ tài năng nên năm 20 tuổi [268] được bổ làm quan lệnh ở Tu Vũ, rồi sau đổi ra làm Thái thú Dương Thành. Nhân vì có công bình định nước Đông Ngô nên ông được vua phong làm An Dương Hầu. Tấn Vũ Đế thấy Thạch Sùng có tài, cho làm Thứ sử Kinh Châu, kiêm chức hiệu uý Nam man. Lúc ở Kinh Châu, Thạch Sùng tư thông với giặc cướp, cướp của những người đi buôn, nên chẳng bao lâu, Thạch Sùng trở nên đại phú. Về sau, Thạch Sùng được thăng Thái Bộc và Vệ Úy.

Thạch Sùng cất một biệt thự rất tráng lệ ở Lũng Kim Cốc, thường hội họp bạn bè ở đây để ăn uống, chơi bời.

Càng ngày Thạch Sùng càng giàu có, xây cất lầu các nguy nga, giăng toàn gấm vóc, đồ trân quý nhiều không kể hết, tài sản to lớn, được xem là bậc nhất thiên hạ khi đó. Thời bấy giờ có quan Hậu tướng quân là Vương Khải, em của Văn Minh hoàng hậu, nhà cũng rất giàu có và ăn tiêu xa xỉ.

Một hôm, Vương Khải và Thạch Sùng cạnh tranh nhau về sự giàu có. Vương Khải nói:

- Nhà tôi lấy mật rửa chảo.

Thạch Sùng nói:

- Nhà tôi lấy nến bạch lạp làm củi.

Các quan nghe vậy liền bảo rằng:

- Lời nói không lấy gì làm bằng, muốn biết ai hơn kém thì phải lấy những thứ quý nhất đem ra, hễ ai nhiều thì được!

Vương Khải bèn lấy trướng lụa đem ra trải đường được 40 dặm. Thạch Sùng cũng đem trướng lụa ra trải, dài được 50 dặm. Vương Khải dùng phấn đá đỏ quét vôi nhà thì Thạch Sùng lại dùng hồ tiêu quét lên vách.

Các quan trong triều thấy Thạch Sùng đều hơn nên rất khen ngợi. Vua Tấn Vũ đế thấy Vương Khải kém thế nên tặng cho Vương Khải một cây san hô cao hai thước. Vương Khải liền đem cây san hô ra thi. Thạch Sùng liền lấy cây gậy ngọc Như Ý đập cây san hô ấy vỡ tan. Vương Khải cả giận nói:

- Túc hạ không có của quý như thế mà đem thi, nên mới đập cây san hô của ta!

Thạch Sùng vội đáp:

- Xin ngài đừng vội giận, ta xin đèn cây khác lớn hơn.

Nói rồi xin trở về nhà đem đến bốn cây san hô đều cao bốn thước, sáng rực, lấy một cây đèn cho Vương Khải.

Các bạn hai bên đều xin hòa, ai trở về nhà nấy.

Vua Tấn Vũ Đế chết, thái tử Trung lên nối ngôi, tức là Tấn Huệ Đế. Từ lâu, Huệ Đế nhu nhược, quyền hành về tay Tám vị Thân vương và Hoàng hậu Giả Nam Phong. Giả hậu mưu giết Dương Thái Hậu và các thân vương mà tranh quyền, gây ra Loạn bát vương.



Một hoàng thân là Triệu vương Tư Mã Luân, đem quân vào cung, bắt vua Huệ Đế phải bỏ Giả Hậu, rồi bắt Giả Hậu giết đi, bình được mối loạn Giả Hậu, nắm giữ binh quyền. Tư Mã Luân làm Tướng quốc, tin dùng một gia thần là Tôn Tú.

Tôn Tú nghe nói Thạch Sùng có nàng ái cơ tên là Lục Châu, nhan sắc xinh đẹp lạ thường, lại thêm cầm kỳ thi họa đều giỏi, múa hát rất hay, vẫn được Thạch Sùng yêu mến, để ở riêng trên lầu Kim Cốc. Tôn Tú lập tức sai sứ đến bắt. Khi sứ đến, Thạch Sùng ra tiếp. Sứ giả nói:

- Tôn thị trung (tức Tôn Tú) nghe nói ngài có nhiều người hầu đẹp, sai tôi đến đây muốn mượn ngài một người.

Thạch Sùng bèn gọi ra vài mươi người, cho sứ giả chọn, nhưng sứ giả nói:

- Máy người này ăn mặc thì đẹp, nhưng quan thị trung bảo tôi phải tìm được nàng Lục Châu. Xin ngài đưa Lục Châu ra đây tôi rước về dâng cho Tướng quốc.

Thạch Sùng đáp:

- Không được, Lục Châu là ái cơ của ta, dầu thế nào cũng không cho bắt được.

- Quân hầu am hiểu sự đời, sao không nhận rõ thời thế hiện nay, nếu cưỡng lại ắt có vạ to. Quân hầu nên nghĩ lại.

Thạch Sùng nhất định không nghe. Sứ phải trở về báo lại với Tôn Tú. Tôn Tú cả giận, muốn giết Thạch Sùng, lại nhân có thù cả với bạn đồng liêu của ông là Phan Nhạ, bèn vào bẩm với Tư Mã Luân:

- Thạch Sùng, Phan Nhạ có ý phản, ý thế giàu có âm mưu làm loạn, nếu bây giờ không trừ, sau hối không kịp.

Tư Mã Luân nói:

- Nếu thế thì cứ bắt nó giết đi.

Tôn Tú được lệnh, đem 200 quân đến vây nhà Thạch Sùng. Thạch Sùng đang ở trên lầu với nàng Lục Châu, thấy quân kéo đến, hô lệnh bắt. Thạch Sùng cả sợ nói:

- Tôi vì nàng mà bị tội, không rõ họ bắt tôi đem đi đâu?

Lục Châu khóc thưa rằng:

- Quân hầu đã vì thiếp mà phải tội thì thiếp cũng vì Quân hầu mà chết. Thiếp xin chết trước chớ mặt nào lại vào cửa khác để nhục đến Quân hầu.

Nói rồi nàng nhảy từ lầu cao xuống đất tự tử. Quân lính vào bắt Thạch Sùng đưa đi. Ông nói:

- Ta không có tội, chỉ vì chơi bời rộng rãi mà thôi

Khi quân lính giải đến pháp trường, Thạch Sùng mới biết mình bị xử tử, bèn khóc than rằng:

- Bọn người giết ta, chỉ vì tham gia tài của ta mà thôi!

Người áp giải nói:

- Đã biết tiền của hay làm họa cho người, sao không phát tán đi từ trước?

Bạn đồng liêu của ông là Phan Nhạ cũng bị giải đến, Thạch Sùng ngạc nhiên hỏi vì sao Nhạ cũng bị bắt tới, Phan Nhạ khóc, nhắc lại câu chuyện có lần đến chơi lầu Kim Cốc của ông, làm bài thơ có câu: “Đầu bạc cùng chỗ về” , nay thấy ứng nghiệm.

Thạch Sùng bị chém chết, gia sản bị tịch thu. Năm đó ông 52 tuổi]



## Cây Hải Ngô Tử 海梧子 [Cây Trôm Quý]

Có hình dáng giống cây Ngô Đồng 梧桐, màu trắng, lá giống cây Thanh Đồng 青桐, có quả to bằng hạt dẻ, thịt quả béo ngậy, ăn được, có nguồn gốc từ Lâm Ấp.

[*Cây Hải Ngô Tử 海梧子, tên gọi khác: 蘋婆 Bình bà, 鳳眼果 Phụng nhãn quả, 蘋婆果 Bình bà quả, 七姐果 Thất tỷ quả, (tên khoa học: Sterculia nobilis), còn được gọi là một loài thực vật thuộc họ Ngô đồng 梧桐科 và thuộc chi Bình bà. Loại quả này chủ yếu được tìm thấy ở các khu vực phía nam Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, và đảo Sumatra của Indonesia*]



*Quả cây Hải Ngô tử*



*Quả và cây Hải Ngô tử*



## Cây hải tùng 海松子

Giống như cây tùng ở Trung Quốc, nhưng quả của nó rất lớn, hình dạng giống như hạt dẻ nhỏ và có hình tam giác. Quả có vị béo, ngọt và hương thơm, là một loại quả ngon thường được dùng trong các bữa tiệc. Loại cây này xuất xứ từ Lâm Ấp.

[Cây hải tùng 海松子, còn gọi là Thông Triều Tiên (danh pháp hai phần: *Pinus koraiensis*) là một loài thông bản địa của khu vực Đông Á, từ Mãn Châu, viễn đông Nga, Triều Tiên tới miền trung Nhật Bản. Ở phía bắc của khu vực phân bố của nó, thông Triều Tiên có thể sinh sống tới các độ cao vừa phải, thông thường khoảng 600–900 m, trong khi xa hơn về phía nam thì nó là loài cây miền núi, sinh sống tại độ cao tới 2.000-2.600 m như ở Nhật Bản. Nó là cây thân gỗ lớn, cao tới 40–50 m, và đường kính thân cây tới 1,5–2 m. Thông Triều Tiên khác với họ hàng gần với nó (thông Siberi) ở chỗ có các nón lớn hơn với các phần đỉnh có vảy ngược và các lá kim dài hơn. Hạt thông Triều Tiên được thu hoạch và bán như là một loại hạt ăn được, khá phổ biến ở khu vực đông bắc Trung Quốc và nó là loại hạt thông được buôn bán rộng nhất trên thị trường quốc tế. Nó là thành viên của phân chi *Strobus* (nhóm thông trắng), và giống như các thành viên của nhóm này, các lá kim của nó mọc thành bó (chùm) gồm 5 kim, với lớp vỏ bao sớm rụng. Các lá kim dài khoảng 7–13 cm. Các nón của thông Triều Tiên dài khoảng 8–17 cm, màu xanh lục hay tím trước khi thuần thục, chuyển thành màu nâu vào khoảng 18 tháng sau khi thụ phấn. Các hạt dài 14–18 mm chỉ có cánh dạng vết tích và được phát tán nhờ chim bồ hạt dẻ (Nucifraga caryocatactes)]

[Trong Bản thảo cương mục 本草綱目, quyển thứ 11 thuộc phần "Quả bộ" 果部, Lý Thời Trân đã miêu tả chi tiết về hải tùng tử 海松子. Dưới đây là nội dung cụ thể của mục này:

Tên gọi: Hải tùng tử, còn được gọi là "Tân La tùng tử" 新罗松子, xuất xứ từ Tân La (một vương quốc cổ đại nằm ở bán đảo Triều Tiên).

Tính vị: Vị ngọt, tính bình, không độc.

Công dụng: Dưỡng ngũ tạng, bồi bổ cơ thể, chữa các chứng phong thấp, đau khớp, hoa mắt chóng mặt, làm mềm da, giảm phù thũng. Ngoài ra, hải tùng tử còn có khả năng tẩy tế bào chết, làm trắng da và tăng cường sức khỏe khi dùng lâu dài, giúp kéo dài tuổi thọ và giữ gìn sự trẻ trung.

Chủ trị: Điều trị phong thấp ở khớp xương, hoa mắt, chóng mặt, giúp cơ thể thải độc, làm mềm và dưỡng da, bổ sung năng lượng cho cơ thể, tăng cường thể lực, chữa các chứng phong hàn, và duy trì sức khỏe toàn diện.

Lý Thời Trân đặc biệt nhấn mạnh rằng việc dùng hải tùng tử lâu dài sẽ giúp cơ thể nhẹ nhàng và kéo dài tuổi thọ]





*Tranh vẽ Hải Tùng*



*Hạt Hải Tùng*



*Hải Tùng*

## Cây An Ma Lặc 庵摩勒樹 [Cây Me rừng]

Có lá mỏng, giống như lá cây Hợp hôn 合昏, màu vàng. Quả của nó giống như quả mận, màu xanh vàng, hạt tròn và có sáu đến bảy gờ nổi lên. Khi ăn, đầu tiên có vị đắng sau đó ngọt. Các thầy thuốc đã sử dụng nó để làm trắng râu tóc, và thấy có hiệu quả. Loại cây này xuất xứ từ Cửu Chân.

[Trong tiếng Trung hiện đại, cây này gọi là Dư Cam tử 餘甘子, tên khoa học: *Phyllanthus emblica* (hay *Embellica officinallis*), tiếng Việt gọi là Me rừng, Me mận, Chùm ruột núi hoặc là Mắc kham. Tiếng Lào cũng gọi là mak kham trong khi danh từ aamla phổ biến ở Ấn Độ và Nepal (theo từ amalaki trong tiếng Phạn), hay Dhatrik (trong tiếng Maithili). Đây là một loài thực vật có hoa với quả ăn được, trong họ Diệp hạ châu. Loài này được L. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1753. Quả của cây này cũng được gọi là aamla ở Ấn Độ và Nepal. Cây *Phyllanthus emblica* tức me mận cao từ 8 đến 18 mét. Hoa màu xanh vàng. Trái me mận dáng hình cầu, màu xanh vàng nhạt, vỏ nhẵn và cứng, trong ruột có 6 múi. Me mận chín vào mùa thu, khi thu hoạch phải trèo lên cây hái. Vị me mận chua, hơi đắng, và có nhiều xơ. Tại Ấn Độ, quả này thường được người dân ngâm muối, hoặc làm mứt. Me mận này cũng được dùng để dưỡng tóc. Nghiên cứu sơ bộ cho thấy me mận có tính kháng khuẩn. Lá, vỏ và quả của cây này có tiềm năng chống lại các bệnh như bỏng, ung thư, lão hóa, và tiểu đường]





*Quả Me rừng*



*Cây và quả Me rừng*

## Cây Thạch Lật 石栗樹 [Cây Trầu Xoan]

Giống như cây hạt dẻ, nhưng mọc trong các khe đá trên núi. Hoa của cây này phải mất 3 năm mới kết quả. Quả có vỏ dày và ít thịt, vị giống như quả óc chó. Khi quả chín, thường có đàn vẹt đến ăn gần hết, vì vậy người dân ở nơi này coi nó là rất quý giá. Cây này có nguồn gốc từ Nhật Nam.

[Thạch Lật 石栗, tên khoa học là: *Aleurites moluccana*, tên khác là Lai hay Trầu Xoan, thuộc họ Đại Kịch (*Euphorbiaceae*), chi Thạch Lật (*Aleurites*), và là một loại cây thường xanh, lá rộng, mọc thành cây cao. Thạch Lật được biết đến vì dầu của nó có thể dùng cho nhiều mục đích, từ việc làm dầu đèn đến sử dụng trong công nghiệp và y học. Thân gỗ cao đến 10 mét, vỏ cây màu xám đậm, nứt dọc nông và gần như nứt. Các cành nhỏ có lông tơ dạng sao hoặc lông nhung.

**Lá:** Lá có hình dạng từ hình bầu dục đến hình mũi mác hoặc hình thoi rộng, mọc cách, có hai điểm nhấn hình chén màu đỏ nhạt ở đầu lá. Mặt dưới của lá màu xám trắng, lá có lông mềm ngắn ở cả hai mặt, khi lá trưởng thành thì mặt trên trở nên nhẵn. Lá dài từ 10-20 cm và rộng từ 5-17 cm, cuống lá dài từ 6-12 cm, có mép nguyên hoặc hơi chia rãnh từ 3-7 lần.

**Hoa:** Hoa tập hợp thành chùm dạng tán, màu trắng sữa đến vàng sữa, có cả hoa đực và hoa cái trên cùng một cây, có thể trên cùng một chùm hoặc khác chùm. Các chùm hoa và cuống hoa có lông mềm ngắn hoặc lông sao màu gỉ sét. Đài hoa có lông và chia thành 3 phần không đều, các phần giống như kẹp. Cánh hoa có 5 cánh, hình ngược mũi mác, dài khoảng 8 mm. Nhị hoa từ 15-20 cái, mọc trên đế hoa có lông và nhô lên.



*Quả: Quả là quả hạch, hình trứng, có lông sao màu gỉ sét, có thịt, với lớp vỏ hạt cứng như đá, đường kính từ 5-6 cm. Hạt bên trong hình cầu, hơi dẹt, chứa dầu.*

*Thời gian ra hoa và quả: Hoa nở từ tháng 4 đến tháng 10, quả chín từ tháng 10 đến tháng 12]*



*Thạch Lật*



*Cây và quả Thạch Lật*

Thảm cươc câm 毯屬衿? [CÓ lẽ là thảm Ba Tư?]

*[Sách bị hỏng một số chữ nên dịch không chính xác, có thể mô tả một loại thảm]*



... Không Đa 空多, loại lớn nhất có chiều dày không quá 2 thốn. Da của nó thô ráp, cứng, được chế tác bằng cách mài với sừng tê giác và ngà voi, sắc bén hơn cả sắt. [Sản phẩm này] có nguồn gốc từ Đại Tần.

### Tre Thạch Lâm 石林竹

Giống như trúc Quế 桂竹, cứng và sắc, có thể chế thành dao, cắt da voi dễ như cắt khoai môn. Loại trúc này có nguồn gốc từ Cửu Chân và Giao Chỉ.



*Tre Thạch Lâm*

[*Quế trúc (tên khoa học: Phyllostachys reticulata), còn được gọi là Cương trúc, là một loài thuộc họ Hòa thảo (Poaceae), chi Cương trúc (Phyllostachys). Loại trúc này mọc phân tán và thường phát triển ở độ cao dưới 1500 mét so với mực nước biển. Thời kỳ phát triển măng của cây vào khoảng từ tháng 3 đến tháng 5. Tên loài "reticuluma" có nghĩa là "có vân lưới", liên quan đến đặc điểm hình thái của nó*]

### **Trúc Tư Ma 思摩竹**

Trúc Tư Ma, giống trúc nhưng lớn hơn, măng mọc từ các đốt. Khi măng đã phát triển thành cây, vào mùa Xuân măng lại mọc từ các đốt. Ở vùng Giao Chỉ-Lưỡng Quảng đều có loại trúc này.

### **Đan Trúc 簾竹 [Cây Dùng]**

Lá thưa và to, mỗi đốt cách nhau sáu bảy thước, có nguồn gốc từ Cửu Chân. Người dân nơi đây lấy phần non của cây, giã, ngâm và dệt thành vải, gọi là vải thưa từ trúc [*nguyên văn: vị chi trúc sơ bố 謂之竹疏布*].

[*Cây Dùng (danh pháp hai phần: Bambusa chungii), còn gọi là dùng phấn, là một loài thực vật có hoa trong họ Hòa thảo. Loài này được McClure mô tả khoa học đầu tiên năm 1936*]





*Trúc Quế*





*Cây Dừa*



## Trúc Việt Vương 越王竹

Rể mọc trên đá, giống như cây sậy nhỏ, cao hơn một thước, có ở vùng Nam Hải. Người dân phương Nam yêu thích màu xanh của nó và dùng làm thẻ đếm rượu. Tương truyền, cây trúc này mọc từ những thẻ [tre] đếm bỏ đi của Việt Vương.

Ở vùng núi Nam Hải có loại tre tên là Vân Khâu 雲丘竹, người ta dùng một đốt tre làm thuyền để đi đến Phù Nam. Nhưng ngày nay ở giao Châu, Quảng Châu, thường thấy những cây tre có đốt dài đến 2 trượng, chu vi một đến hai trượng. [Có lẽ đây là một loại tre khổng lồ]

## Cây nhân diện tử 人面子樹 [Cây Sấu]

Trông giống cây Hàm đào, quả cũng như quả đào nhưng không có vị. Hạt của nó giống như khuôn mặt người, nên mới gọi là nhân diện tử. Ngâm mật thì ăn được một chút. Lấy hạt của nó mà chơi trong lúc ngồi, bày ra để tiếp khách.



*Quả Sấu*



*Cây và quả Sấu*

-----